

*Hà Nội, ngày      tháng      năm 2026*

## **BÁO CÁO**

### **Đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông (TTTT) thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 4409/QĐ-BKHCN ngày 24/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thực hiện yêu cầu rà soát, cập nhật Quy hoạch hạ tầng TTTT nhằm bảo đảm đồng bộ với yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số (KHCN/ĐMST/CĐS), mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và yêu cầu đồng bộ hạ tầng phục vụ 04 khối cơ quan trong hệ thống chính trị.

Bộ Khoa học và Công nghệ (KHCN) báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch hạ tầng TTTT) như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH**

- Tổng hợp, phân tích và đánh giá toàn diện tình hình thực hiện và kết quả triển khai của Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; làm rõ mức độ đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu quy hoạch;

- Làm rõ những kết quả nổi bật, khó khăn, hạn chế và nguyên nhân;

- Đề xuất giải pháp, kiến nghị để bảo đảm tiến độ, chất lượng triển khai, góp phần phát triển đồng bộ, hiện đại và bền vững hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia.

#### **II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN QUY HOẠCH HẠ TẦNG TTTT**

##### **II.1. Công tác tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch**

Ngày 11/01/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 36/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch hạ tầng TTTT. Quy hoạch được xây dựng nhằm cụ

thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các chiến lược phát triển ngành liên quan đến phát triển hạ tầng TTTT. Quy hoạch hạ tầng TTTT theo hướng hiện đại, đồng bộ, bố trí không gian hạ tầng thông tin và truyền thông gắn với hạ tầng kinh tế - xã hội, cho phép tối ưu hóa việc sử dụng các nguồn lực, tạo môi trường kiến tạo giá trị mới cho đất nước trong kỷ nguyên công nghệ số.

Sau khi Quy hoạch được phê duyệt, các bộ, ngành, địa phương đã tổ chức phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện các nội dung của Quy hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Nhiều địa phương đã ban hành văn bản triển khai, xây dựng kế hoạch thực hiện và lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển hạ tầng TTTT vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chương trình chuyển đổi số, quy hoạch tỉnh và các chương trình đầu tư công trung hạn.

Đến thời điểm tháng 01/2025 đã có 08 địa phương ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch hạ tầng TTTT trên địa bàn tỉnh: Cà Mau, Long An, Kon Tum, Đắk Nông, Bến Tre, Lạng Sơn, Cần Thơ, Gia Lai; 01 địa phương thành lập Tổ triển khai thực hiện Quy hoạch hạ tầng TTTT thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi được phê duyệt, Quy hoạch đã được điều chỉnh 01 lần. Cụ thể, trong năm 2025, thực hiện chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương, tại Phiên họp Thường trực Ban Chỉ đạo về công tác bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu, Bộ Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với Bộ Công an và các đơn vị liên quan, xây dựng và ban hành Quyết định số 4409/QĐ-BKHHCN ngày 24/12/2025 phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch hạ tầng TTTT thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

## **II.2. Kết quả triển khai Quy hoạch hạ tầng TTTT**

### **2.1. Mạng bưu chính**

Mạng lưới bưu chính tiếp tục hoạt động ổn định và nâng cao hiệu quả hoạt động, bảo đảm an toàn thông tin bưu chính phục vụ sự chỉ đạo điều hành của Đảng và Nhà nước trên cả nước. Hệ thống bưu chính được mở rộng phục vụ đến nông thôn đáp ứng nhu cầu của nhân dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng của đất nước.

Dịch vụ bưu chính: Trong giai đoạn vừa qua có sự chuyển dịch cơ cấu dịch vụ bưu chính từ truyền thống sang các dịch vụ giá trị gia tăng, phục vụ thương mại điện tử và logistics đã phát triển mạnh mẽ tại các địa phương. Các dịch vụ bưu chính có yếu tố giá trị gia tăng (với chất lượng cao) như: dịch vụ EMS, bưu

phẩm khai giá, nhất là các dịch vụ giao hàng chặng cuối, phát hàng thu tiền (COD), dịch vụ tài chính bưu chính, dịch vụ cấp đổi hộ chiếu, chuyển phát Chứng minh thư nhân dân, đại lý dịch vụ ngân hàng, đại lý dịch vụ bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ, phát triển thuê bao, các dịch vụ gia tăng cho các nhà mạng... được triển khai song song với các dịch vụ bưu chính truyền thống đã góp phần làm tăng doanh thu của toàn ngành bưu chính.

Trong giai đoạn 2023 - 2025, đến thời điểm hiện nay, mạng lưới phục vụ bưu chính đã có 23.450 điểm phục vụ, bảo đảm 100% xã có điểm phục vụ có người làm việc. Bán kính phục vụ bình quân của mạng bưu chính công cộng tại các địa phương đạt 2,83 km/điểm. Tỷ lệ điểm phục vụ có khả năng hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt 59,8%, phản ánh vai trò hỗ trợ của bưu chính trong chuyển đổi số ở khu vực cơ sở. Trong đó bưu cục chiếm tỷ trọng lớn nhất với 11.792 điểm, đóng vai trò nòng cốt trong cung ứng các dịch vụ bưu chính - chuyển phát. Các điểm Bưu điện - Văn hóa xã (BD-VHX) đạt 8.633 điểm, góp phần quan trọng trong việc mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ bưu chính tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, gắn với cung cấp các dịch vụ công ích và dịch vụ công trực tuyến. Bên cạnh đó, hệ thống đại lý bưu chính với 1.000 điểm và các loại hình điểm phục vụ khác với 2.025 điểm đã bổ sung tính linh hoạt cho mạng lưới, đáp ứng đa dạng nhu cầu sử dụng dịch vụ của người dân và doanh nghiệp. Cơ cấu này cho thấy xu hướng kết hợp giữa mô hình điểm phục vụ truyền thống và các hình thức cung ứng dịch vụ linh hoạt, phù hợp với yêu cầu phát triển bưu chính hiện đại và chuyển đổi số.

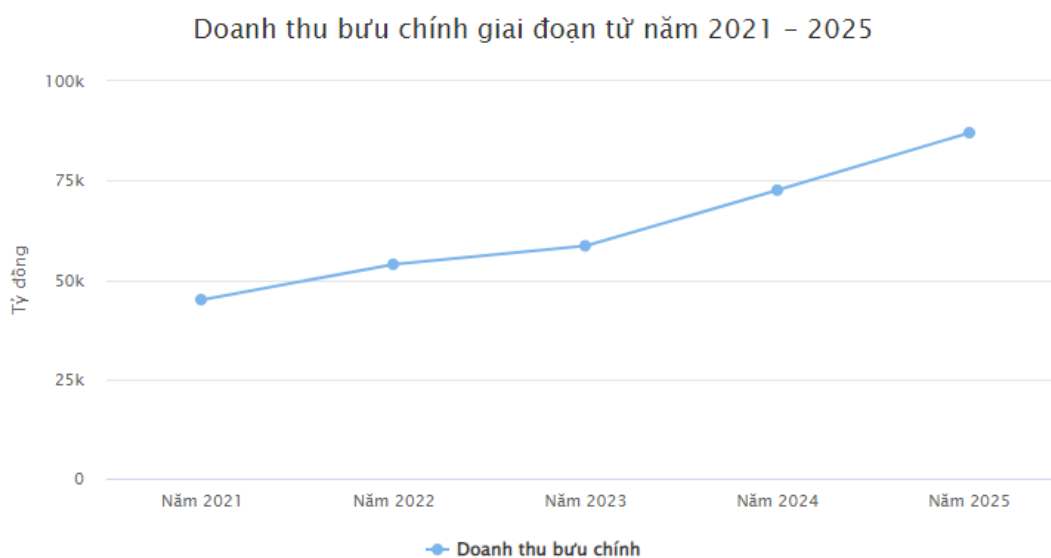
Thị trường dịch vụ bưu chính: Những năm gần đây đã có sự cạnh tranh khá mạnh mẽ giữa các nhà cung cấp dịch vụ với số lượng các doanh nghiệp tham gia hoạt động trong lĩnh vực này tăng lên nhanh chóng và thành phần doanh nghiệp cũng đa dạng hơn. Phát triển các điểm ki ốt bưu chính đến các khu công nghiệp, khu du lịch, khu vực đông dân cư; bảo đảm hầu hết các xã, phường, thị trấn trên địa bàn toàn vùng có thư, báo đến trong ngày. 100% xã có báo, tạp chí được phát trong ngày đến trụ sở xã.

Doanh thu bưu chính tháng 10/2025 ước đạt 7.400 tỷ đồng, tăng 13,85% so với tháng 10/2024. Lũy kế/ước cả năm 2025 đạt khoảng 87.000 tỷ đồng. Sản lượng bưu chính KT1 tháng 11/2025 (tính đến hết ngày 15/11/2025) đạt 299.263 bưu gửi, giảm 25,3% so với cùng kỳ năm 2024 (400.366 bưu gửi). Trong đó, sản lượng khẩn mật đạt 207.602 bưu gửi, giảm 20,3% so với cùng kỳ năm 2024 (260.484 bưu gửi).

Mạng bưu chính phục vụ các cơ quan Đảng và nhà nước bảo đảm sự chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Đảng, nhà nước nhanh chóng, chính xác, kịp thời trong mọi tình huống. Tiếp tục đẩy mạnh hiện đại hóa mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, nhà nước đảm bảo an toàn, an ninh và chất lượng dịch vụ bưu chính KT1.

### Số liệu cập nhật tính đến ngày 25/12/2025

STT	TÊN CHỈ TIÊU/SỐ LIỆU	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM 2025
1	Doanh thu bưu chính	Tỷ đồng	87.000
2	Sản lượng bưu gửi	Triệu cái	4.200
3	Chỉ số bưu chính thế giới	Nhóm	8/10



Kết quả đánh giá việc triển khai thực hiện quy hoạch mạng bưu chính công cộng đến hết năm 2025 trong phụ lục 1 kèm theo.

## 2.2. Khu công nghệ số tập trung

Tính đến thời điểm 15/4/2026, trên cả nước đã có **12** khu công nghệ số tập trung được thành lập, mở rộng và công nhận theo quy định pháp luật. Trong đó:

- Đã có **08** khu công nghệ số tập trung được thành lập theo quy định tại Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 08/11/2013 của Chính phủ quy định về khu CNTT tập trung.

- Kể từ sau thời điểm 01/01/2026, có thêm **04** khu công nghệ số tập trung được thành lập và công nhận tại các địa phương theo quy định tại Nghị định số 354/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định về khu công nghệ số tập trung. Qua đó, nâng tổng số khu công nghệ số tập trung tại Việt Nam là **12** (*chi tiết thuyết minh về hiện trạng phát triển các khu công nghệ số tập trung tại Phụ lục 2 kèm theo*).

### **2.3. Cơ sở hạ tầng viễn thông và hạ tầng số**

Giai đoạn vừa qua, hạ tầng viễn thông tại các vùng được phát triển theo hướng đồng bộ, hiện đại và rộng khắp, hình thành cơ sở hạ tầng kết nối quan trọng, đồng bộ, dung lượng lớn, tốc độ cao... đóng góp ngày càng quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Hạ tầng viễn thông truyền thống về cơ bản đã đáp ứng các nhu cầu về thông tin liên lạc của người dân, đã đạt đến mức độ phổ cập cao. Cơ sở hạ tầng viễn thông tiếp tục được mở rộng, hiện đại hóa và phát triển mạnh mẽ và sẵn sàng chuyển dịch thành hạ tầng số.

Dưới sự phát triển của công nghệ số, hạ tầng viễn thông đang chuyển dịch thành hạ tầng số phục vụ chuyển đổi số toàn diện, đáp ứng nhu cầu phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xây dựng xã hội số.

Về hạ tầng viễn thông di động, tính đến tháng 12/2025 tỷ lệ thôn bản có kết nối băng rộng di động đạt 99,3%, tỷ lệ dân số được phủ sóng 4G đạt 99,8% và tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt 88,7%. Số thuê bao điện thoại di động sử dụng thiết bị thông minh (SMP) ước đạt 105.130.507 thuê bao, tăng 4,35% so với cùng kỳ năm 2024. Các chỉ số này phản ánh mức độ phổ cập cao của hạ tầng viễn thông di động, đảm bảo khả năng tiếp cận dịch vụ số cho người dân trên toàn quốc, kể cả ở vùng sâu, vùng xa. Tốc độ truy cập mạng băng rộng di động đạt 160 Mbps. Đáng chú ý, tốc độ Internet di động của Việt Nam đã lọt vào top 10 thế giới, tăng 37 bậc về tốc độ tải xuống so với cùng kỳ năm trước, cho thấy sự cải thiện vượt bậc về chất lượng dịch vụ mạng di động.

Về hạ tầng 5G, trong năm 2025, mạng 5G tiếp tục được các doanh nghiệp viễn thông triển khai mở rộng, đặc biệt tại các đô thị lớn, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, trung tâm đổi mới sáng tạo và các khu vực có nhu cầu sử dụng dữ liệu lớn. Tính đến tháng 10/2025, các doanh nghiệp viễn thông di động đã triển khai hơn 16.737 trạm 5G, tương đương khoảng 14% số trạm 4G, tại 100% tỉnh, thành phố trên toàn quốc, phủ sóng 5G tới khoảng 39,52% dân số.

Trong năm 2025, quy mô triển khai 5G tiếp tục tăng nhanh. Theo số liệu cập nhật đến ngày 22/12/2025, Việt Nam đã triển khai hơn 26.000 trạm 5G; trong đó Viettel hoàn thành triển khai hơn 20.000 trạm, chiếm trên 80% tổng số trạm 5G cả nước. Việc mở rộng nhanh hạ tầng 5G đã góp phần nâng cao chất lượng mạng di động, đáp ứng nhu cầu sử dụng dữ liệu tốc độ cao, thúc đẩy phát triển hạ tầng số, kinh tế số và chuyển đổi số quốc gia.

Về hạ tầng viễn thông cố định, tính đến tháng 12/2025 tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang đạt 87,2% trên tổng số 27,05 triệu hộ, thể hiện sự phổ cập mạnh mẽ của mạng băng rộng cố định tốc độ cao. Số thuê bao băng rộng cố định ước đạt 24.427.227 thuê bao, tăng 2,74% so với cùng kỳ năm 2024. Tốc độ truy cập mạng băng rộng cố định đạt 271,95 Mbps. Các số liệu này cho thấy chất lượng và độ phủ của hạ tầng mạng cố định đã được nâng cao rõ rệt, hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động thương mại điện tử, học tập, làm việc và giải trí trực tuyến.

Về hạ tầng kết nối quốc tế, đã có 04 doanh nghiệp viễn thông đăng ký triển khai thêm 09 tuyến cáp quang biển tới 2030. Trong đó có 02 tuyến cáp quang biển do Việt Nam làm chủ. Hiện tại, 01 (một) tuyến cáp ADC đã đi vào khai thác trong tháng 4/2025, tuyến SJC2 dự kiến sẽ đi vào khai thác trong vòng Quý II năm 2025.

Từ các kết quả nêu trên, có thể hạ tầng số quốc gia đã cơ bản được hình thành với các thành phần chính như mạng viễn thông di động và cố định, hệ thống cáp quang biển, trung tâm dữ liệu và kết nối quốc tế. Hạ tầng số hiện nay đã tạo nền tảng vững chắc cho việc triển khai các chương trình, dự án chuyển đổi số ở cấp quốc gia, bộ ngành, địa phương và doanh nghiệp.

#### **Số liệu cập nhật tính đến ngày 25/12/2025**

<b>STT</b>	<b>TÊN CHỈ TIÊU/SỐ LIỆU</b>	<b>ĐƠN VỊ TÍNH</b>	<b>NĂM 2025</b>
1	Phủ sóng 5G	% dân số	91,2
2	Tốc độ Internet băng rộng cố định	Mbps	271,95
3	Tốc độ Internet băng rộng di động	Mbps	160
4	Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang	%	87,4



### ***i. Hệ thống truyền dẫn vệ tinh***

Tại Quyết định số 1997/QĐ-BTTTT, Bộ KHCN được giao nhiệm vụ là đầu mối theo dõi/giám sát nhiệm vụ “Thay thế 02 vệ tinh Vinasat 1 và 2 theo lộ trình sử dụng”. Hiện nay, việc thay thế 02 vệ tinh Vinasat 1 và 2 theo lộ trình sử dụng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, việc triển khai vệ tinh thay thế đang được thực hiện.

Ngoài ra, đối với vệ tinh viễn thám đã đăng ký cho: vệ tinh viễn thám LOTUSAT-1A của Trung tâm vũ trụ Việt Nam, chùm vệ tinh viễn thám WISDOM EYE – S của công ty cổ phần Tập đoàn OSB, chùm vệ tinh viễn thám VTSAT của Viện Hàng không Vũ trụ Viettel, chùm vệ tinh viễn thám VEGASAT của công ty Công nghệ Sao Vega.

### ***ii. Thúc đẩy triển khai dịch vụ Internet vệ tinh sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp***

Trong bối cảnh chuyển đổi số toàn diện, dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp (LEO) là giải pháp quan trọng hướng tới mục tiêu mở rộng mạng viễn thông đến các vùng sâu, vùng xa, và các khu vực hải đảo, nơi các phương thức kết nối truyền thống khó có thể triển khai; đồng thời thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong nhiều lĩnh vực, mở ra tiềm năng ứng dụng cho mạng 5G và các công nghệ tương lai. Bộ Khoa học và Công nghệ đã góp phần tháo gỡ rào cản pháp lý, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư - kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp viễn thông và công nghệ số tiếp cận, thử nghiệm và triển khai công nghệ này tại Việt Nam.

Bộ KHCN đã xây dựng và báo cáo Chính phủ trình Quốc hội ban hành Nghị quyết số 193/2025/QH15 và Nghị định số 88/2025/NĐ-CP, trong đó đã quy định cơ chế cấp phép thí điểm có kiểm soát tần số cho vệ tinh LEO, theo đó việc cấp phép chuyển từ cấp cho từng thiết bị đầu cuối sang cấp cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ với các yêu cầu, điều kiện thích hợp để bảo đảm an toàn, hạn chế khả năng nhiễu có hại. Đồng thời Bộ KHCN phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng Đề án sửa đổi mức thu phí tần số vô tuyến điện đối với thiết bị đầu cuối vệ tinh, nhằm khuyến khích phát triển thông tin vệ tinh và điều chỉnh cách thu, nộp phí đối với doanh nghiệp thí điểm dịch vụ này.

Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 659/QĐ-TTg ngày 23/3/2025 cho phép Tập đoàn Space Exploration Technologies (SpaceX) của Hoa Kỳ, đơn vị cung cấp dịch vụ internet vệ tinh Starlink, thí điểm có kiểm soát dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp tại Việt Nam. SpaceX được thí điểm có kiểm soát đầu tư kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại hình mạng viễn thông vệ tinh sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp tại Việt Nam trên nguyên tắc bảo đảm quốc phòng, an ninh, trong đó không giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc tỷ lệ đóng góp của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 193/2025/QH15. Đồng thời SpaceX được thí điểm cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông sử dụng công nghệ vệ tinh quỹ đạo tầm thấp thay thế cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện cho người sử dụng thiết bị đầu cuối theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 193/2025/QH15.

### ***iii. Hạ tầng Internet vạn vật (IoT)***

Ngày 03/10/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 37/2025/QĐ-TTg về Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia. Quy hoạch Phổ tần số vô tuyến điện quốc gia là quy hoạch tổng thể để quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên tần số vô tuyến điện - nền tảng cho mọi hoạt động thông tin liên lạc. Quy hoạch giúp phân bổ băng tần hợp lý, tránh nhiễu, sử dụng hiệu quả và cân bằng giữa phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh, tạo môi trường thuận lợi cho nghiên cứu, sản xuất và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông. Đồng thời, đây là cơ sở triển khai các công nghệ hiện đại như 5G, 6G, vệ tinh, IoT, phục vụ chuyển đổi số và hạ tầng số quốc gia.

Trong thời đại Internet vạn vật (IoT), từ điện thoại, laptop, TV thông minh, cho đến đồng hồ thông minh, máy lọc không khí, camera an ninh, robot hút bụi... tất cả đều kết nối WiFi. Nhu cầu sử dụng WiFi tại Việt Nam đã tăng mạnh trong những năm gần đây, gắn liền với sự phổ cập của điện thoại thông minh, máy tính bảng, laptop, tivi thông minh, cũng như sự phát triển nhanh chóng của các thiết bị đeo, thiết bị IoT... Và như vậy, tổng băng thông khoảng 663,5 MHz hiện không còn đủ đáp ứng nhu cầu kết nối tốc độ cao, ổn định, và dung lượng lớn. Người dùng giờ đây cần truy cập kết nối tốc độ cao, ổn định không chỉ để xem YouTube, TikTok, mà còn để bật đèn bằng giọng nói, livestream bán hàng, điều khiển drone, học ngoại ngữ cùng AI, làm việc với trợ lý ảo... Tóm lại, hạ tầng WiFi đang quá tải, và đã đến lúc cần mở thêm băng tần. Ngày 31/3/2025, Bộ KH-CN ban hành Thông tư 01/2025/TT-BKH-CN. Theo đó, Việt Nam chính thức mở thêm 500 MHz băng tần từ 5925 - 6425 MHz trong dải tần thấp của băng tần 6 GHz cho các thiết bị miễn cấp phép WiFi. Với băng tần mới và WiFi thế hệ mới, người dùng sẽ được tận hưởng tốc độ cáp quang ngay trên thiết bị của mình. Thông tư 01/2025/TT-BKH-CN được những chuyên gia công nghệ đánh giá là cú hích quan trọng cho quá trình chuyển đổi số quốc gia.

#### ***iv. Nghiên cứu công nghệ 6G để Việt Nam có thể là một trong các quốc gia sớm triển khai công nghệ 6G trên thế giới***

Bộ KH-CN đã sớm thành lập Ban Chỉ đạo thúc đẩy nghiên cứu, phát triển thông tin di động 6G theo Quyết định số 12/QĐ-BTTTT ngày 07/01/2022 và Quyết định số 406/QĐ-BTTTT ngày 28/3/2025, với thành phần gồm các cục, vụ, viện và doanh nghiệp viễn thông.

Với chức năng quản lý nhà nước tần số vô tuyến điện, Bộ KH-CN đã chủ động tham gia các hoạt động của ITU và APT để nghiên cứu, tham mưu chính sách về tần số cho 6G Việt Nam, bảo đảm phù hợp với thực trạng sử dụng tần số trong nước và hài hòa với hệ sinh thái 6G quốc tế. Kết quả bước đầu cho thấy, sau Hội nghị WRC-23, Thê lệ vô tuyến điện đã ghi nhận một số băng tần IMT có tiềm năng sử dụng cho 6G, gồm: băng 6,425-7,125 GHz tại Khu vực 1, một số quốc gia Khu vực 2 và 3; băng 7,025-7,125 GHz tại Khu vực 3; và băng 10-10,5 GHz tại 12 nước khu vực Trung và Nam Mỹ. Bên cạnh đó, WRC-23 đã thông qua nghị quyết nghiên cứu các băng tần tiềm năng để WRC-27 xem xét cho IMT, gồm 4,4-4,8 GHz, 7,125-8,4 GHz và 14,8-15,35 GHz. Hiện nay, các nhóm nghiên cứu quốc tế (ITU-R WP5D) và khu vực (AWG) đang thảo luận về mô hình nghiên cứu và các tham số kỹ thuật dự kiến cho hệ thống IMT phục vụ đánh giá tương thích với các hệ thống vô tuyến khác.

***v. Dừng triển khai công nghệ viễn thông di động thế hệ cũ theo lộ trình và quy hoạch lại băng tần số vô tuyến điện để sử dụng cho hệ thống di động thế hệ tiếp theo***

Công nghệ di động 2G, 3G đều là công nghệ ít khả năng hỗ trợ các dịch vụ, ứng dụng sử dụng dữ liệu lớn, mang tính tương tác cao như truyền hình, video, điều khiển tự động - nền tảng công nghệ 4.0, không đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và xu thế chuyển đổi số.

Bộ KHHCN xác định công nghệ 2G, 3G đều là công nghệ cũ, tuy nhiên, 2G là công nghệ cũ hơn. Hầu hết thiết bị mạng 2G của các doanh nghiệp di động đã hết khấu hao, đa phần là các thiết bị lỗi thời, tiêu hao năng lượng lớn, hiệu suất sử dụng tần số không cao, một số thiết bị không còn nguồn cung ứng để thay thế, sửa chữa. Do vậy, cần thực hiện việc dừng công nghệ thông tin di động 2G;

Bộ KHHCN đã ban hành Thông tư 03/2024/TT-BTTTT ngày 30/4/2024 về việc Quy hoạch băng tần 1800 MHz và Thông tư 04/2024/TT-BTTTT quy hoạch băng tần 900 MHz. Các Thông tư này quy định: (1) dừng cung cấp dịch vụ cho thiết bị đầu cuối 2G only từ 16/9/2024 và (2) dừng công nghệ 2G từ 16/9/2026, trừ một số trường hợp cung cấp dịch vụ cho thiết bị đầu cuối thuê bao kết nối vào mạng GSM cho mục đích truyền, nhận dữ liệu giữa thiết bị với thiết bị (M2M) hoặc cung cấp dịch vụ tại khu vực quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa, nhà giàn DK.

*Đối với người dân:* khi tắt công nghệ 2G, người dân đang sử dụng thiết bị chỉ hỗ trợ 2G sẽ được hỗ trợ chuyển đổi sang thiết bị đầu cuối thông minh có nhiều tính năng hiện đại hơn thích hợp với công nghệ mới, cho phép người dân sử dụng thiết bị thông minh hơn, tiếp cận với nhiều dịch vụ mới, trong đó có dịch vụ hành chính công trực tuyến, nền tảng của Chính phủ điện tử.

*Đối với doanh nghiệp:* Dự kiến tăng lưu lượng dữ liệu di động khi dừng công nghệ 2G sẽ giúp tăng trưởng doanh thu cho doanh nghiệp viễn thông, đồng thời tăng doanh thu của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung, dịch vụ ứng dụng viễn thông và tạo cơ hội mới cho các doanh nghiệp Việt Nam sản xuất và cung cấp thiết bị đầu cuối hỗ trợ công nghệ mới. Ngoài ra, việc tắt công nghệ 2G sẽ giảm chi phí vận hành của doanh nghiệp, đồng thời dành tài nguyên tần số vô tuyến điện, hạ tầng truyền dẫn, hạ tầng thụ động, nguồn lực sẵn sàng cho phát triển công nghệ 5G.

*Đối với Chính phủ, xã hội:* Việc tăng trưởng số lượng thiết bị đầu cuối thông minh, thúc đẩy nhanh việc thực hiện các mục tiêu chuyển đổi số quốc gia;

tăng lưu lượng dữ liệu trên mạng viễn thông di động; nhờ đó tăng chỉ số thứ hạng về viễn thông của Việt Nam trên các bảng xếp loại trên thế giới.

Để kịp thời ứng phó với thực tiễn phát sinh từ cơn bão Yagi, giúp nhà mạng có thêm thời gian để tập trung nguồn lực khắc phục hậu quả thiên tai và hỗ trợ chuyển đổi thuê bao 2G Only tại các khu vực khó khăn, đảm bảo việc sử dụng dịch vụ viễn thông của mọi người dân không bị gián đoạn, Bộ TTTT đã lùi thời hạn ngừng cung cấp dịch vụ 2G only một tháng. Từ ngày 16/10/2024, các nhà mạng tại Việt Nam đã chính thức ngừng cung cấp dịch vụ cho thuê bao 2G only theo đúng lộ trình tắt sóng 2G đã đặt ra (Thông tư số 10/2024/TT-BTTTT của Bộ TTTT).

*vi. Đấu giá, cấp phép băng tần để triển khai thông tin di động 4G/5G bảo đảm cung cấp chất lượng dịch vụ viễn thông ngang tầm khu vực và thế giới*

Năm 2024, đã đấu giá thành công băng tần 2500-2600 MHz, băng tần 3700-3800 MHz, băng tần 3800-3900 MHz, là những băng tần quan trọng trong việc phát triển hạ tầng 5G tại Việt Nam. Tháng 5/2025, đã đấu giá thành công băng tần 713-723 MHz và 768-778 MHz; và tháng 9/2025 đấu giá thành công băng tần 703-713 và 758-768 MHz, đây là các băng tần thích hợp tăng cường khả năng phủ sóng thông tin di động trên diện rộng, đặc biệt tại các khu vực nông thôn, miền núi đồng thời nâng cao chất lượng phủ sóng trong nhà ở khu vực đô thị.

Việc đấu giá thành công các băng tần này đánh dấu một bước đi cụ thể, góp phần quan trọng vào việc thực hiện mục tiêu "**Hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng ngang tầm các nước tiên tiến. Phủ sóng 5G toàn quốc**", là một trong những nhiệm vụ trọng tâm được đề ra tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Hiện nay, đã cấp phép 660 MHz cho thông tin di động, tăng 94% so với trước khi đấu giá băng tần (là 340 MHz). 20 MHz băng tần 700 MHz vừa đấu giá tháng 9/2025, doanh nghiệp đang hoàn thiện nghĩa vụ tài chính để được cấp giấy theo quy định.

Trong tháng 10/2025, Việt Nam đã đứng thứ 15 thế giới về Tốc độ truy cập Internet di động (160 Mbps), tăng 28 bậc so với cùng kỳ năm 2024 (71,23 Mbps), thứ 3 ASEAN (sau Brunei và Singapore).

Theo báo cáo Mạng 5G nhanh nhất thế giới và Mạng Di động nhanh nhất thế giới quý I và quý II năm 2025 do Ookla công bố, VinaPhone và Viettel đã lọt vào nhóm 3 mạng di động nhanh nhất toàn cầu.

#### ***vii. Cơ chế, chính sách hỗ trợ nhanh phát triển 5G***

Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/2/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là để hỗ trợ doanh nghiệp triển khai nhanh 5G trong năm 2025 từ ngân sách nhà nước, với tổng số tiền hỗ trợ không vượt quá tổng số tiền trúng đấu giá của các cuộc đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện thực hiện trong năm 2024. Tính đến tháng 10/2025<sup>1</sup>, các doanh nghiệp viễn thông di động đã triển khai hơn 16.737 trạm 5G (tương đương với 14% số trạm 4G) tại 100% các tỉnh, thành phố trên toàn quốc, phủ sóng 5G tới khoảng 39,52% dân số.

Theo số liệu tới ngày 08/12/2025, Viettel thông báo đã lắp đặt thêm 20.000 trạm 5G trong năm 2025, trở thành nhà mạng đầu tiên tại Việt Nam đạt số lượng này. Dự kiến, đến ngày 31/12/2025, Viettel sẽ lắp đặt thêm 3.500 trạm, cùng với 6.500 trạm của năm 2024, nâng tổng số trạm toàn mạng lên 30.000.

Nhằm thúc đẩy phát triển hạ tầng truyền dẫn cho 5G, Bộ KHHCN đã ban hành Thông tư số 02/2025/TT-BKHCN ngày 31/3/2025 về quy hoạch phân kênh tần số vô tuyến điện cho nghiệp vụ cố định băng tần 71-76 GHz và 81-86 GHz. Quy hoạch tạo cơ sở pháp lý để mở băng tần E phục vụ truyền dẫn vi ba tốc độ cao lên tới 10 Gb/s, đáp ứng nhu cầu triển khai nhanh mạng 5G, đặc biệt tại khu vực khó triển khai hạ tầng cáp quang. Việc sử dụng băng tần E phù hợp với xu hướng công nghệ quốc tế, góp phần đáp ứng nhu cầu truyền dẫn tốc độ cao tại các đô thị lớn, trung tâm dữ liệu và mạng truy nhập vô tuyến 5G. Đây là bước đi có ý nghĩa chiến lược trong quản lý tần số, tạo tiền đề thúc đẩy phát triển hạ tầng truyền dẫn vô tuyến hiện đại, phục vụ yêu cầu phát triển mạng viễn thông thế hệ mới tại Việt Nam.

#### **2.4. Hạ tầng trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây**

Về phát triển hạ tầng dữ liệu: Hệ thống trung tâm dữ liệu thương mại đã có 41 trung tâm dữ liệu, tổng công suất thiết kế đạt 221 MW và có 16 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu. Thị trường trung tâm dữ liệu của Việt Nam đang phát triển, tuy nhiên quy mô và năng lực vẫn cần được nâng cao để đáp

---

<sup>1</sup> <https://vneconomy.vn/du-kien-den-het-nam-nay-5g-se-phu-song-90-dan-so.htm>

ứng nhu cầu lưu trữ, xử lý dữ liệu lớn trong quá trình chuyển đổi số quốc gia. Trong đó, việc hình thành các trung tâm dữ liệu đạt chuẩn quốc tế và đảm bảo an toàn, bảo mật là yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn tới.

Các trung tâm dữ liệu tập trung chủ yếu tại các thành phố lớn như Hà Nội, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó, top 04 đơn vị cho thuê hạ tầng trung tâm dữ liệu gồm:

- VNPT: Có khả năng cung cấp 34/34 Tỉnh/Thành trên toàn quốc với Backbone 1,71Tbps, chiếm trên 65% thị phần dịch vụ Internet tại Việt Nam; Kết nối với 10 ISP quốc tế và 8 ISP trong nước (Google 2,4Tbps, Viettel 400Gb/s, FPT 380Gb/s). Tổng dung lượng băng thông quốc tế đạt 885Gb/s, bao gồm trên đất liền và cáp biển với nhiều đối tác và các hướng khác nhau. Hiện nay, VNPT có 8 Trung tâm dữ liệu đặt tại các thành phố lớn là Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ... Trong đó, trung tâm dữ liệu Nam Thăng Long (Hà Nội) là trung tâm dữ liệu đầu tiên đạt chứng nhận quốc tế đạt chuẩn Uptime Tier III.

- Viettel IDC hiện nay có 13 Trung tâm dữ liệu gồm: Trung tâm dữ liệu Pháp Vân, Trung tâm dữ liệu Hòa Lạc, Trung tâm dữ liệu Hoàng Hoa Thám (thành phố Hồ Chí Minh), Trung tâm dữ liệu Bình Dương, Trung tâm dữ liệu Đà Nẵng... Những trung tâm dữ liệu này đều được xây dựng với chuẩn quốc tế Tier III.

- FPT hiện nay có 5 trung tâm dữ liệu: Hanoi (2), thành phố Hồ Chí Minh (2, trong đó 1 đang xây), Đà Nẵng (1 đang xây). Trung tâm dữ liệu EPZ (Tân Thuận) của FPT Telecom đạt chứng chỉ quốc tế Uptime Tier III do Mỹ chứng nhận và trở thành trung tâm dữ liệu thứ 2 đạt chứng chỉ này tại Việt Nam (sau VNPT).

- CMC hiện nay có 03 trung tâm dữ liệu: Hanoi (1), thành phố Hồ Chí Minh (2). Ngoài ra, hai trung tâm dữ liệu của CMC lần lượt tại Hà nội và thành phố Hồ Chí Minh cũng đã gia nhập những tổ chức liên minh trung tâm dữ liệu lớn tại châu Á (ADCA). Trung tâm dữ liệu xây dựng có khả năng lưu trữ với 7000 máy chủ, tương đương với 300 tủ Rack.

- Hanoi Telecom: Xây dựng và vận hành EcoDC, trung tâm dữ liệu đầu tiên tại Việt Nam đạt chuẩn Uptime Tier III xây dựng, cả 2 chuẩn quốc tế Uptime Tier III về thiết kế (TCDD) và xây dựng vận hành (TCCF).

## **2.5. Hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin**

### ***a. Ứng dụng CNTT xây dựng Chính phủ số***

Ứng dụng CNTT hướng tới chính phủ số được triển khai sâu rộng trong hoạt động của cơ quan Đảng, Nhà nước, trở thành công cụ hỗ trợ hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, nâng cao năng lực, hiệu quả, giảm chi phí, tăng năng suất lao động:

- Theo đánh giá của Liên Hợp Quốc, Việt Nam có chỉ số tổng hợp về phát triển Chính phủ điện tử (EGDI) cao hơn mức trung bình thế giới và khu vực, thuộc nhóm quốc gia ở mức cao. Năm 2020, chỉ số phát triển CPĐT Việt Nam đã tăng 02 bậc so với năm 2018, xếp hạng 86/193<sup>2</sup> quốc gia thành viên Liên Hợp Quốc, 23/47 quốc gia khu vực Châu Á và 6/11 quốc gia khu vực Đông Nam Á.

Theo đánh giá của Liên hợp quốc, về giá trị, Chỉ số EGDI của Việt Nam năm 2024 đạt 0.7709 điểm, được xếp vào nhóm các nước có EGDI ở mức Rất Cao (có 39,4% các quốc gia được xếp ở nhóm này) và cao hơn so với Chỉ số EGDI trung bình của thế giới (0.6382), của khu vực Châu Á (0.6990), cũng như của khu vực Đông Nam Á (0.6928).

Năm	Chỉ số EGDI (Điểm/Xếp hạng)
2024	0,7709 (71 ↗)
2022	0,6787 (86)
2020	0,6667 (86 ↗)
2018	0,5931 (88 ↗)
2016	0,5143 (89 ↗)
2014	0,4705 (99 ↘)
2012	0,5217 (83 ↗)
2010	0,4454 (90 ↗)

So với năm 2022, chỉ số EGDI của Việt Nam đã tăng 13.6%, với các chỉ số thành phần đều có sự tăng trưởng về giá trị và xếp hạng, đặc biệt là về xếp hạng HCI và giá trị TII. Cụ thể:

- Chỉ số Hạ tầng viễn thông (TII): đạt 0.8780, xếp thứ 67, tăng 7 bậc so với năm 2022.

- Chỉ số Nguồn nhân lực (HCI): đạt 0.7267, xếp thứ 79, tăng 36 bậc so với năm 2022.

- Chỉ số Dịch vụ trực tuyến (OSI): đạt 0.7081, xếp thứ 75, tăng 01 bậc so với năm 2022.

Về giá trị, EGDI tăng trưởng 13.6%, trong đó TII là chỉ số chính tăng trưởng mạnh nhất so với năm 2022 với 25.9%; tiếp đến là OSI với 9.2%; HCI tăng

<sup>2</sup> E-government Development Index, UN, 2020 <https://publicadministration.un.org/egovkb/en-us/Data-Center>

trường 5.3%. Trong 3 chỉ số chính, TII của Việt Nam được xếp ở mức Rất Cao; OSI và HCI được xếp ở mức Cao.

Trong bảng Chỉ số tham gia điện tử (EPI) năm 2024, Việt Nam đạt 0.6027, xếp thứ 72 trên thế giới, cao hơn mức trung bình của thế giới (gần 0.5). Điều này cho thấy sự nỗ lực của Chính phủ và các Bộ, ngành trong việc tăng cường sự tham gia của người dân vào các dịch vụ công trực tuyến.

- Bước đầu hình thành một số nền tảng dùng chung phục vụ nhu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu một cách đồng bộ và rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ sở dữ liệu quốc gia ngày càng được hoàn thiện cả về quy mô, phạm vi cũng như số lượng đã mang lại hiệu quả cao trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Hoàn thiện nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP); tập trung xây dựng Trung tâm dữ liệu quốc gia phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến:

Hiện nay đã kết nối với hệ thống của 90 cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Nền tảng đã kết nối 103 bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức ở Trung ương (cơ bản hết cơ quan cấp I); đã kết nối 10 cơ sở dữ liệu, 15 hệ thống thông tin cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên NDXP. Số lượng người dùng hàng tháng: 90/103 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

- Tổng giao dịch thực hiện thông qua Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) ước tính đến hết tháng 6/2025 là: 630 triệu giao dịch và đạt 73% kế hoạch năm 2025 (860 triệu giao dịch).

### ***b. Ứng dụng CNTT phục vụ xây dựng kinh tế số, xã hội số***

Thúc đẩy các ứng dụng số, nền tảng số trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần nâng cao tỷ trọng đóng góp của kinh tế số trong tăng trưởng kinh tế, trong đảm bảo việc làm và an sinh xã hội. Theo ước tính của Bộ KH-CN đến Quý I/2025, tỷ trọng kinh tế số trên GDP 18,72%. Trong đó: kinh tế số lõi 8,63%, kinh tế số lan tỏa 10,09%.

Ngoài thúc đẩy ứng dụng CNTT, “phát triển nền tảng số” được xem là “giải pháp đột phá để thúc đẩy chuyển đổi số nhanh hơn, giảm chi phí và tăng hiệu quả”. Đã ban hành: (1) Danh mục 38 nền tảng số quốc gia đồng thời ban hành khung tiêu chí và quy trình xét duyệt, công nhận, công bố và thu hồi công nhận nền tảng số quốc gia. (2) Hướng dẫn tổng thể các bộ, ngành, địa phương về việc thúc đẩy, phát triển và đưa vào sử dụng các nền tảng số. Bộ KH-CN đã đăng tải

và cập nhật thông tin về các nền tảng số tại Cổng Thông tin điện tử Chuyển đổi số quốc gia, địa chỉ <https://dx.gov.vn/>.

## **2.6. Kinh tế số**

Nền kinh tế số Việt Nam dự kiến đạt 39 tỷ USD tổng giá trị hàng hóa (GMV) vào năm 2025, trở thành nền kinh tế số tăng trưởng nhanh thứ hai tại Đông Nam Á, với mức tăng trưởng 17%.

Tất cả các lĩnh vực chủ chốt của nền kinh tế số đều ghi nhận tăng trưởng ở mức hai chữ số. Thương mại điện tử tiếp tục là ngành đóng góp lớn nhất vào tổng giá trị hàng hóa của Việt Nam, chiếm hai phần ba tổng quy mô nền kinh tế số và được dự báo tăng 17%, đạt 25 tỷ USD vào cuối năm 2025.

Động lực phát triển của nền kinh tế số không chỉ đến từ thương mại điện tử. Lĩnh vực Vận tải và Giao đồ ăn tiếp tục là nhóm có tổng giá trị hàng hóa tăng nhanh nhất tại Việt Nam, với dự báo tăng 20% và đạt 5 tỷ USD vào năm 2025. Việt Nam cũng đang chứng kiến tốc độ nhanh chóng trong việc chuyển đổi sang xe điện (EV) nhờ các ưu đãi của Chính phủ và nhu cầu từ các nền tảng vận chuyển.

Việt Nam đã khẳng định vị trí dẫn đầu Đông Nam Á về mức độ sẵn sàng và niềm tin của người dùng đối với AI. Điều này được phản ánh qua ba chỉ số then chốt: 81% người dùng tương tác với các công cụ và tính năng AI hằng ngày; 83% tham gia các hoạt động học tập và nâng cao kỹ năng về AI; và đặc biệt, 96% sẵn sàng chia sẻ quyền truy cập dữ liệu với các tác nhân AI.

Mức độ người dùng tương tác với AI đang thể hiện rõ tác động về mặt thương mại khi doanh thu từ các ứng dụng tích hợp AI đã tăng 78% trong vòng một năm, tính đến hết nửa đầu năm 2025. Người dùng tìm đến AI chủ yếu với ba động lực chính: tiết kiệm thời gian khi tìm kiếm và so sánh thông tin (44%); nhận hỗ trợ khách hàng 24/7 (35%); và tiết kiệm chi phí thông qua các chính sách ưu đãi tốt hơn (30%).

Trong lĩnh vực Dịch vụ Tài chính Số (DFS), các dịch vụ cho vay trực tuyến đang có đà phát triển rõ rệt, được xếp là phân khúc tài chính tăng nhanh thứ hai trong khu vực với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm đạt mức 22% trong giai đoạn 2024-2025.

Hiện cả nước có khoảng 30 triệu tài khoản ví điện tử đang hoạt động, góp phần thúc đẩy thanh toán không tiền mặt và thanh toán qua VietQR. Từ đó, hướng tới mục tiêu 80% giao dịch thương mại điện tử không dùng tiền mặt vào

năm 2030. Ngoài ra, hệ thống thanh toán QR cũng đã tương thích với Thái Lan và Campuchia, mở ra thêm nhiều cơ hội cho giao thương và du lịch giữa các quốc gia.

### III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA QUY HOẠCH

STT	Chỉ tiêu/nhiệm vụ, giải pháp/Dự án	Kết quả đạt được
<b>I</b>	<b>Mạng bưu chính</b>	
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	
1.1	Hình thành mạng bưu chính công cộng cấp quốc gia gồm các Trung tâm Bưu chính khu vực (MegaHub) và Trung tâm Bưu chính vùng (Hub); kết nối các Trung tâm Bưu chính khu vực và giữa các Trung tâm Bưu chính khu vực đến Trung tâm Bưu chính vùng; chú trọng thúc đẩy, định hướng chia sẻ hạ tầng mạng bưu chính công cộng với các doanh nghiệp bưu chính; tổng năng lực khai thác phục vụ của mạng bưu chính đạt trên 93.000 tấn bưu gửi/ngày, thời gian giao hàng liên tỉnh và quốc tế (phần xử lý giữa các trung tâm) tối đa 5 ngày, thời gian giao hàng nội vùng tối đa 2 ngày.	Mạng lưới phục vụ bưu chính đã có 23.450 điểm phục vụ, bảo đảm 100% xã có điểm phục vụ có người làm việc. Bán kính phục vụ bình quân của mạng bưu chính công cộng tại các địa phương đạt 2,83 km/điểm
1.2	Hình thành 3 Trung tâm Bưu chính khu vực trên cả nước bảo đảm năng lực khai thác bình quân đạt trên 11.000 tấn bưu gửi/ngày; phạm vi phục vụ bình quân 350 km.	Sản lượng bưu chính KT1 tháng 11/2025 (tính đến hết ngày 15/11/2025 ) đạt 299.263 bưu gửi. Trong đó, sản lượng khẩn mật đạt 207.602 bưu gửi
1.3	Yêu cầu phát triển đến năm 2025: 100% các cơ quan Đảng, Nhà nước từ Trung ương đến cấp xã được kết nối vào Mạng truyền số	- Mạng truyền số liệu chuyên dùng (Mạng TSLCD) đã hoàn thành triển khai kết nối đến 22 bộ, ngành; 34 tỉnh, thành phố, 3.319 xã phường (đảng uỷ, UBND, HĐND,

STT	Chỉ tiêu/nhiệm vụ, giải pháp/Dự án	Kết quả đạt được
	liệu chuyên dùng phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước	<p>MTTQ cấp xã/phường thuộc 34 tỉnh, thành phố.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành kết nối mạng diện rộng của ngành Tòa án qua Mạng TSLCD, phạm vi từ Trung ương đến cấp cơ sở (34 tỉnh, 396 điểm kết nối).</li> <li>- Hoàn thành kết nối mạng diện rộng của ngành Kiểm sát qua mạng TSLCD phạm vi từ Trung ương đến cấp cơ sở (34 tỉnh, 394 điểm kết nối).</li> </ul>
<b>2</b>	<b>Nhóm dự án hạ tầng bưu chính:</b>	
2.1	Nhóm dự án hạ tầng bưu chính, bao gồm cả các dự án phục vụ quản lý nhà nước về bưu chính (phân kỳ đầu tư 2021-2025 và 2026-2030)	Chưa có dự án đầu tư hạ tầng liên quan đến mạng bưu chính phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước
2.2	Xây dựng 3 trung tâm miền thuộc mạng bưu chính KT1 tại miền Bắc (Hà Nội), miền Trung (Đà Nẵng) và miền Nam (Thành phố Hồ Chí Minh)	Chưa có dự án xây dựng, nâng cấp các trung tâm miền tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh
<b>II</b>	<b>Nhóm hạ tầng số</b>	
1	Xây dựng các trung tâm miền, trung tâm dự phòng; trung tâm điều hành mạng tại Hà Nội và 03 trung tâm vận hành, khai thác tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh (phân kỳ đầu tư 2021-2025 và 2026-2030)	<p>Giai đoạn 2024-2025, Bộ KHCN đã triển khai một số dự án sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống thiết bị chuyển mạch định tuyến lớp lõi, các nút mạng truy nhập của Mạng truyền số liệu chuyên dùng.</li> <li>- Triển khai các hệ thống kỹ thuật bảo đảm năng lực, an toàn thông tin mạng Truyền số liệu chuyên dùng phục vụ phát triển Chính phủ điện tử.</li> <li>- Nâng cấp, hiện đại hóa trung tâm dữ liệu và hạ tầng kỹ thuật nhà trạm tại Bộ KHCN.</li> </ul>
2	Xây dựng đài trưởng mạng tại Hà	Bộ KHCN đang triển khai 02 dự án xây

STT	Chỉ tiêu/nhiệm vụ, giải pháp/Dự án	Kết quả đạt được
	<p>Nội, đài trung tâm miền Trung tại Đà Nẵng, đài trung tâm miền Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh, đài điện báo tỉnh, đài điện báo huyện đảo và đài điện báo cơ động (phân kỳ đầu tư 2021-2025 và 2026-2030)</p>	<p>dựng nhà trạm cho đài trung tâm miền Trung tại Đà Nẵng. Các dự án khác về đầu tư xây dựng nhà trạm, nâng cấp hệ thống trang thiết bị của các đài điện báo đã có kế hoạch và dự kiến triển khai theo kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030.</p>
3	<p>Đạt tối thiểu 1 triệu tên miền “.vn”, chiếm tối thiểu 60% tên miền sử dụng ở Việt Nam.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát triển phổ cập tên miền quốc gia “.vn” để phát triển kinh tế số-xã hội số, gần 15 năm liên tục đứng TOP đầu các nước ASEAN.</li> <li>Tên miền lũy kế đến hết tháng 11/2025 đạt 682.109 tên miền tăng trưởng 8,6% trong bối cảnh tên miền .com toàn cầu tăng 1,4%, ccTLD tăng trưởng 3,4% so với cùng kỳ năm 2024). Việt Nam đứng thứ 3 khu vực ASEAN, thứ 10 khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, thứ 39 trên toàn cầu.</li> <li>- Triển khai sáng kiến phổ cập tên miền quốc gia “.vn”, phát triển kinh tế số và xã hội số với hai chính sách đặc biệt: miễn phí 2 năm phí, lệ phí tên miền cùng các dịch vụ số đi kèm (website/hosting/email, ...) với tên miền “id.vn” cho thanh niên, sinh viên từ đủ 18-23 tuổi và “biz.vn” cho doanh nghiệp mới thành lập, hộ kinh doanh. Các hoạt động nổi bật như: phối hợp với trên 10 Sở KHCN triển khai tại các địa phương và trên 80 trường Đại học triển khai cho sinh viên. Hiện đã có hơn 105,000 tên miền thuộc không gian tên miền mới (id.vn, io.vn, ai.vn, biz.vn) được đăng ký. Riêng Số lượng tên miền phát triển trong năm 2025 đạt khoảng 52,000 tên miền id.vn, biz.vn.</li> <li>- Ngày 30/6/2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 64/2025/TT-BTC quy định mức thu và miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm</li> </ul>

STT	Chỉ tiêu/nhiệm vụ, giải pháp/Dự án	Kết quả đạt được
		<p>hỗ trợ doanh nghiệp và người dân. Trong đó, chính sách miễn phí đăng ký tên miền id.vn và biz.vn được tiếp tục gia hạn đến hết năm 2026.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trên cơ sở Thông tư số 64/2025/TT-BTC, Bộ KHCN đã gia hạn đến hết năm 2026 “Chương trình thúc đẩy, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, hộ kinh doanh hiện diện trực tuyến tin cậy, an toàn với các dịch vụ số sử dụng tên miền quốc gia .vn” - Chương trình đã được ban hành theo Quyết định số 826/QĐ-BTTTT ngày 21/5/2024 và đang triển khai trên phạm vi toàn quốc.</li> <li>- Phát triển cộng đồng sinh viên gắn với việc sử dụng tên miền quốc gia “.vn” và các dịch vụ số thông qua việc: triển khai Chương trình Unitour đến 30 trường Đại học trên cả nước; Phối hợp với Hiệp hội Thương mại Điện tử tổ chức các cuộc thi sinh viên kinh doanh số DBC với các sản phẩm số sáng tạo, đa dạng (dành cho sinh viên khối ngành thương mại điện tử, kinh tế số toàn quốc); Phối hợp với các trường Đại học, NĐK tổ chức các cuộc thi dành cho sinh viên của các trường Đại học.</li> <li>- Công bố cộng đồng Danh sách tên miền “.vn” hết hạn giải phóng tự do: đánh dấu bước chuyển biến quan trọng trong quản lý tài nguyên Internet quốc gia, giúp khai thác tài nguyên Internet hiệu quả hơn, tránh lãng phí. Đây là nguồn dữ liệu mở, quan trọng cho cộng đồng tìm kiếm được những tên miền có giá trị, có lịch sử lâu hỗ trợ việc xây dựng thương hiệu, phát triển nội dung số và thúc đẩy kinh tế số.</li> </ul>
4	Hệ thống Internet Việt Nam:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm 2025 hệ thống VNIX được triển khai nâng cấp mở rộng nhằm đáp ứng nhu cầu</li> </ul>

STT	Chỉ tiêu/nhiệm vụ, giải pháp/Dự án	Kết quả đạt được
	<p>- Trạm trung chuyển Internet quốc gia VNIX: Các điểm kết nối VNIX được thiết lập nhiều điểm ở các thành phố lớn như: Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh... và mở rộng tại các trung tâm dữ liệu vùng.</p> <p>- Hệ thống DNS quốc gia:</p> <p>Triển khai, thiết lập các cụm máy chủ tên miền DNS quốc gia lõi (primary) ở các thành phố lớn như: Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh, ... và mở rộng phân tán các cụm máy chủ tên miền DNS quốc gia thứ cấp (secondary) trong nước, ngoài nước.</p>	<p>mở rộng quy mô, tốc độ được linh hoạt, phù hợp với mô hình kỹ thuật và lộ trình phát triển kết nối VNIX. Tính đến tháng hết 11/2025, hệ thống VNIX có 08 địa điểm kết nối, 52 mạng thành viên và Tổng băng thông kết nối 484 Gbps.</p> <p>- Tính đến thời điểm tháng 11/2025, hệ thống DNS quốc gia “.vn” đã triển khai mở rộng các cụm máy chủ tên miền DNS quốc gia thứ cấp (secondary) phân tán với 08 cụm máy chủ tên miền DNS quốc gia thứ cấp (secondary), trong đó 06 cụm đặt trong nước (tại Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh), 02 cụm đặt ở nước ngoài, với hơn 100 điểm hiện diện tại các thành phố lớn trên 5 châu lục. Các cụm máy chủ tên miền DNS quốc gia lõi (primary) quan trọng được triển khai tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động theo các cơ chế HA, DC-DR, đảm bảo hoạt động liên tục và an toàn an ninh. Hệ thống DNS quốc gia triển khai áp dụng các công nghệ hiện đại DNSSEC, Anycast, IPv6, hoạt động ổn định, thống suốt, an toàn cao, SLA đạt 99,999%.</p>
5	Tỷ lệ hộ gia đình có khả năng tiếp cận cáp quang: 90%	Tính đến tháng 7/2025 tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang đạt 85,3% trên tổng số 27,05 triệu hộ
6	Phủ sóng 4G: Toàn dân	Tỷ lệ dân số được phủ sóng 4G đạt 99,8%
7	Dân số ở độ tuổi trưởng thành có điện thoại thông minh: 100%	Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh đạt 88,7%.
8	Triển khai 5G: Thí điểm, thương mại ban đầu	Phủ sóng 5G tới khoảng 39,52% dân số
9	Hệ thống truyền dẫn vệ tinh: Thay thế 02 vệ tinh Vinasat 1 và 2 theo	Đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, và việc thay thế 02 vệ tinh Vinasat 1 và 2 theo

STT	Chỉ tiêu/nhiệm vụ, giải pháp/Dự án	Kết quả đạt được
	lộ trình sử dụng.	lộ trình sử dụng.
<b>III</b>	<b>Kinh tế số (Mục III.1.a Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022)</b>	
1	Tỷ trọng kinh tế số đạt 20% GDP	Theo Bộ KHCN: ước tính đạt 18,72% hết Quý I/2025; Theo Bộ Tài chính: ước tính đạt 13,9%
2	Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%	Bộ Tài chính: Chỉ tiêu này không đủ cơ sở để tính toán nên không có số liệu báo cáo do không thuộc 23 ngành trong Thông tư 13/2021/TT-BKHĐT
3	Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%	Bộ KHCN không nhận được báo cáo về chỉ tiêu này từ Bộ Công thương
4	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 80%	Bộ KHCN không nhận được báo cáo về chỉ tiêu này từ các bộ, ngành liên quan
5	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%	Chỉ tiêu này chưa đưa vào phiếu hỏi nên chưa đủ cơ sở để xác định kết quả thực hiện mục tiêu.
6	Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 2%	Căn cứ Thông tư 13/2021/TT-BKHĐT ngày 31/12/2021 về Hệ thống chỉ tiêu thống kê kinh tế số, Cục Thống kê đã tính toán lao động trong 23 ngành kinh tế số (mã ngành 2610, 2620, 2630, 2640, 2651, 2652, 2660, 2670, 2680, 4651, 4652, 5820, 6110, 6120, 6130, 6190, 6201, 6202, 6209, 6311, 6312, 9511, 9512), theo đó năm 2025 nhân lực kinh tế số đạt 1,27 triệu người trên tổng lực lượng lao động 15 + là 52,9 triệu người (tính đến hết năm 2024), chiếm 2,4% và đạt chỉ tiêu đề ra.
<b>IV</b>	<b>Xã hội số (Mục III.2.a tại Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022)</b>	
7	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 80%	Đạt Chỉ tiêu thay thế: Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng điện thoại thông minh. 2024:

STT	Chỉ tiêu/nhiệm vụ, giải pháp/Dự án	Kết quả đạt được
		80,3%. Ước tính 2025: 81,5%
8	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 80%	Đạt Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 87%
9	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%	- Tổng số Chứng thư chữ ký số đã cấp tính đến tháng 10/2025: 24.332.802 chứng thư chữ ký số. - Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hiện nay: 39,24%. - Với tốc độ tăng trưởng như hiện nay và thống kê thêm số lượng người dùng chữ ký điện tử cá nhân, dự kiến đến cuối năm 2025 sẽ hoàn thành mục tiêu 50% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.
10	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%	Bộ KHCN không nhận được báo cáo về chỉ tiêu này từ Bộ Giáo dục và Đào tạo
11	Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt 80%	Đạt Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang 2024: 80,7%. Ước tính 2025: 81,7%
12	Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%	Bộ KHCN không nhận được báo cáo về chỉ tiêu này từ Bộ Công an
13	Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 50%	Bộ KHCN không có số liệu Lý do: Bộ KHCN gửi Văn phòng Chính phủ văn bản số 2465/BKHCN-CĐSQG ngày 17/6/2025 đề nghị Văn phòng Chính phủ xem xét, tham mưu Thủ tướng Chính phủ chuyển nhiệm vụ nêu trên (thực hiện chỉ tiêu “Tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến”) để Bộ Công an chủ trì thực hiện

STT	Chỉ tiêu/nhiệm vụ, giải pháp/Dự án	Kết quả đạt được
		nhằm bảo đảm tính chính xác của dữ liệu và phù hợp với quy định mới về phát triển Công Dịch vụ công quốc gia trở thành điểm “Một cửa số” duy nhất, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến tập trung của quốc gia tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP)
14	Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 30%	Bộ KHCN không nhận được báo cáo về chỉ tiêu này từ Bộ Y tế
15	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%	Bộ KHCN không nhận được báo cáo về chỉ tiêu này từ Bộ Y tế
16	Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 80%	Bộ KHCN không nhận được báo cáo về chỉ tiêu này từ Bộ Giáo dục và Đào tạo
17	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 70%	Bộ KHCN không nhận được báo cáo về chỉ tiêu này từ Bộ Giáo dục và Đào tạo
<b>V</b>	<b>Nhóm dự án hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin</b>	
1	Phát triển các nền tảng số quốc gia	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ KHCN ban hành Quyết định số 2618/QĐ-BKHCN ngày 11/9/2025 Danh mục và kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng.</li> <li>- Bộ Tài chính ban hành Quyết định số 3378/QĐ-BTC ngày 06/10/2025 về kế hoạch triển khai chi tiết các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng của Bộ Tài chính.</li> <li>- Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số</li> </ul>

STT	Chỉ tiêu/nhiệm vụ, giải pháp/Dự án	Kết quả đạt được
		<p>1627/QĐ-BXD ngày 29/9/2025 trong đó xác định Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính các lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã, phường theo mô hình tập trung là nền tảng số quốc gia cần được tập trung hoàn thiện trong năm 2025.</p> <p>- Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành Bộ tiêu chí đánh giá nền tảng số quốc gia về Quản trị và kinh doanh du lịch Quyết định số 1971/QĐ-BVHTTDL ngày 18/7/2024.</p>

## IV. ĐÁNH GIÁ

### IV.1. Kết quả đạt được

Việc triển khai Quy hoạch hạ tầng TTTT đã đạt được nhiều kết quả tích cực, trong đó nhiều chỉ tiêu quan trọng cơ bản đạt và vượt các định hướng đề ra. Hạ tầng viễn thông băng rộng tiếp tục được mở rộng với tỷ lệ hộ gia đình có khả năng tiếp cận cáp quang đạt mức rất cao, tiệm cận mục tiêu đến năm 2025. Mạng thông tin di động 4G được phủ sóng toàn quốc, trong khi mạng 5G đã được triển khai thương mại tại hầu hết các tỉnh, thành phố, vượt yêu cầu thí điểm ban đầu của Quy hoạch. Chất lượng mạng viễn thông được cải thiện rõ rệt, đáp ứng nhu cầu sử dụng dữ liệu ngày càng tăng của người dân, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước.

Hạ tầng số, đặc biệt là hạ tầng dữ liệu và điện toán đám mây, tiếp tục được đầu tư mở rộng với sự tham gia tích cực của các doanh nghiệp công nghệ lớn trong nước. Một số trung tâm dữ liệu quy mô lớn đã được đưa vào vận hành hoặc mở rộng, góp phần nâng cao năng lực lưu trữ, xử lý dữ liệu quốc gia. Công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng đạt nhiều kết quả nổi bật, với tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước được phân loại và triển khai biện pháp bảo đảm an toàn theo cấp độ tăng cao so với các năm trước. Việc áp dụng mô hình bảo đảm an toàn thông tin mạng 4 lớp được triển khai đồng bộ tại hầu hết bộ, ngành và địa phương, vượt tiến độ kế hoạch đặt ra cho giai đoạn đầu thực hiện Quy hoạch.

Những kết quả nêu trên khẳng định hạ tầng số tiếp tục đóng vai trò là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Hạ tầng TTTT đã tạo nền

tăng cho phát triển Chính phủ số, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Đồng thời, hạ tầng số góp phần thúc đẩy mạnh mẽ kinh tế số, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới mô hình sản xuất, kinh doanh và mở rộng thị trường. Các hoạt động thương mại điện tử, thanh toán số, dịch vụ số phát triển nhanh, gắn chặt với mức độ hoàn thiện của hạ tầng viễn thông và dữ liệu.

Bên cạnh đó, nhận thức của các cấp, các ngành về vai trò của hạ tầng số ngày càng được nâng cao. Hạ tầng thông tin và truyền thông đã được xác định rõ là hạ tầng thiết yếu, cần đi trước một bước trong quá trình phát triển. Nhiều bộ, ngành và địa phương đã chủ động lồng ghép mục tiêu phát triển hạ tầng số vào chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Công tác chỉ đạo, điều hành, phối hợp liên ngành trong triển khai Quy hoạch được tăng cường, từng bước khắc phục tình trạng đầu tư manh mún, phân tán. Những chuyển biến tích cực này tạo tiền đề quan trọng để tiếp tục triển khai hiệu quả Quy hoạch hạ tầng TTTT trong các giai đoạn tiếp theo.

#### **IV.2. Tồn tại, hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông vẫn còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần được nhìn nhận một cách khách quan và toàn diện. Trước hết, hệ thống trung tâm dữ liệu quốc gia theo định hướng của Quy hoạch chưa được hình thành đầy đủ và đồng bộ. Hiện nay, mặc dù đã có một số trung tâm dữ liệu quy mô lớn do doanh nghiệp đầu tư và vận hành, song chưa có trung tâm dữ liệu quốc gia đóng vai trò hạt nhân, dẫn dắt và kết nối các trung tâm dữ liệu vùng, địa phương. Việc thiếu vắng mô hình trung tâm dữ liệu quốc gia làm hạn chế khả năng tập trung, chia sẻ, khai thác dữ liệu phục vụ Chính phủ số và quản trị quốc gia.

Bên cạnh đó, chất lượng hạ tầng TTTT giữa các vùng, miền vẫn còn sự chênh lệch tương đối rõ nét. Hạ tầng viễn thông và hạ tầng số tại các đô thị lớn, khu vực kinh tế trọng điểm phát triển nhanh, trong khi tại một số vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo, khả năng tiếp cận dịch vụ băng rộng tốc độ cao còn hạn chế. Chênh lệch này ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tiếp cận dịch vụ số của người dân và doanh nghiệp, đồng thời làm gia tăng khoảng cách số giữa các vùng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Thực tiễn triển khai cho thấy, chi phí đầu tư lớn và hiệu quả kinh tế thấp là rào cản chủ yếu đối với doanh nghiệp khi mở rộng hạ tầng tại các khu vực khó khăn.

Ngoài ra, nguồn lực đầu tư cho phát triển hạ tầng TTTT còn phân tán, chưa hình thành được các dự án quy mô lớn mang tính dẫn dắt. Việc huy động vốn ngoài ngân sách, đặc biệt theo hình thức đối tác công - tư, còn gặp nhiều vướng mắc về cơ chế, chính sách. Một số nhiệm vụ trong Kế hoạch thực hiện Quy hoạch chưa được bố trí đủ nguồn lực, dẫn đến tiến độ triển khai chậm so với yêu cầu. Cơ chế ưu đãi, khuyến khích đầu tư cho các lĩnh vực mới như trung tâm dữ liệu, hạ tầng số xanh, hạ tầng điện toán đám mây chưa đủ sức hấp dẫn để tạo đột phá.

Công tác phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong tổ chức thực hiện Quy hoạch chưa thực sự đồng bộ. Việc lồng ghép các dự án hạ tầng thông tin và truyền thông với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở một số nơi còn hạn chế. Công tác theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả đầu tư hạ tầng số chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục. Những tồn tại, hạn chế nêu trên đặt ra yêu cầu cần sớm hoàn thiện thể chế, tập trung nguồn lực và có giải pháp mang tính đột phá hơn trong giai đoạn tiếp theo để bảo đảm thực hiện hiệu quả các mục tiêu của Quy hoạch.

### **IV.3. Nguyên nhân**

Nguyên nhân chủ yếu của các tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông xuất phát từ yêu cầu vốn đầu tư rất lớn trong khi cơ chế huy động nguồn lực còn nhiều hạn chế. Phát triển hạ tầng số, đặc biệt là trung tâm dữ liệu, mạng viễn thông thế hệ mới và hạ tầng điện toán đám mây, đòi hỏi chi phí đầu tư ban đầu cao, thời gian thu hồi vốn dài và rủi ro lớn. Trong khi đó, nguồn vốn ngân sách nhà nước chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu, chủ yếu tập trung cho các nhiệm vụ thiết yếu, chưa đủ để tạo đột phá về quy mô đầu tư. Việc huy động nguồn lực xã hội hóa, nhất là theo hình thức đối tác công - tư, vẫn gặp nhiều khó khăn do thiếu cơ chế chia sẻ rủi ro và bảo đảm hiệu quả tài chính cho nhà đầu tư.

Thực tế cho thấy, nhiều dự án hạ tầng số có tính chất dùng chung, phục vụ lợi ích công cộng nhưng chưa có cơ chế tài chính phù hợp để khuyến khích khu vực tư nhân tham gia. Một số chính sách ưu đãi về đất đai, thuế, giá điện, giá dịch vụ hạ tầng cho trung tâm dữ liệu và hạ tầng số chưa đủ hấp dẫn so với các quốc gia trong khu vực. Bên cạnh đó, việc bố trí vốn đầu tư công cho hạ tầng thông tin và truyền thông ở một số địa phương còn dàn trải, thiếu tập trung, dẫn đến hiệu quả đầu tư chưa cao. Công tác lập kế hoạch đầu tư trung hạn chưa gắn chặt với tiến độ và yêu cầu thực hiện các mục tiêu của Quy hoạch.

Ngoài yếu tố nguồn lực, một nguyên nhân quan trọng khác là một số quy định pháp luật chưa theo kịp thực tiễn phát triển nhanh của hạ tầng số. Hệ thống pháp luật hiện hành còn thiếu các quy định cụ thể, đồng bộ về trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, chia sẻ và khai thác dữ liệu dùng chung. Một số tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hạ tầng số, an toàn thông tin và hạ tầng số xanh chưa được ban hành kịp thời, gây khó khăn cho quá trình triển khai dự án. Các thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường đối với dự án hạ tầng số còn chồng chéo, kéo dài thời gian chuẩn bị đầu tư.

Việc điều chỉnh, cập nhật chính sách chưa theo kịp sự xuất hiện của các mô hình công nghệ mới như trung tâm dữ liệu quy mô lớn, hạ tầng AI, hạ tầng điện toán biên. Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý trong xây dựng và thực thi chính sách còn thiếu tính linh hoạt. Công tác hướng dẫn, tổ chức thực hiện pháp luật ở một số nơi chưa thống nhất, làm gia tăng chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp. Những nguyên nhân nêu trên cho thấy yêu cầu cấp thiết phải hoàn thiện thể chế, đổi mới cơ chế huy động nguồn lực và có chính sách mang tính đột phá nhằm bảo đảm thực hiện hiệu quả các mục tiêu của Quy hoạch trong giai đoạn tiếp theo.

## **V. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ**

### **V.1. Đề xuất rà soát, cập nhật, hoàn thiện một số nội dung của Quy hoạch**

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, có thể thấy Quy hoạch đã tạo cơ sở quan trọng cho việc phát triển đồng bộ hạ tầng bưu chính, viễn thông, hạ tầng số, hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin và các nền tảng phục vụ chuyển đổi số quốc gia. Các mục tiêu, quan điểm, định hướng lớn của Quy hoạch về phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông hiện đại, đồng bộ, an toàn, bền vững cơ bản vẫn còn phù hợp. Do đó, trong lần rà soát, cập nhật này, không đặt vấn đề điều chỉnh mục tiêu của Quy hoạch, mà tập trung rà soát, cập nhật một số nội dung mang tính kỹ thuật, tổ chức thực hiện và bảo đảm thống nhất với bối cảnh mới về tổ chức bộ máy, địa giới hành chính, chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước và hệ thống pháp luật hiện hành.

Trước hết, cần rà soát, cập nhật các nội dung liên quan đến mạng truyền số liệu chuyên dùng và mạng bưu chính KT1 phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, nhằm bảo đảm đồng bộ giữa 04 khối cơ quan trong hệ thống chính trị, gồm: khối Đảng; khối Quốc hội; khối Chính phủ và chính quyền địa phương; khối Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Đây là nội dung có ý nghĩa

quan trọng trong việc bảo đảm hạ tầng kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành thống nhất, thông suốt, an toàn, an ninh trong toàn hệ thống chính trị. Việc cập nhật cần kế thừa các nội dung đã được rà soát, điều chỉnh đối với mạng KT1 và mạng truyền số liệu chuyên dùng, đồng thời tiếp tục làm rõ phạm vi, yêu cầu kết nối, nguyên tắc vận hành, trách nhiệm tổ chức thực hiện của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Bên cạnh đó, cần cập nhật các nội dung của Quy hoạch để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và địa giới hành chính mới sau sắp xếp đơn vị hành chính. Việc thay đổi địa giới, tên gọi và phạm vi quản lý hành chính đặt ra yêu cầu rà soát lại các địa danh, phạm vi phục vụ, phương án tổ chức mạng lưới của các trung tâm bưu chính vùng, trung tâm bưu chính khu vực, điểm phục vụ bưu chính, cũng như các khu công nghệ số tập trung được xác định trong Quy hoạch. Nội dung cập nhật này không làm thay đổi bản chất định hướng phát triển mạng lưới hạ tầng đã được phê duyệt, mà nhằm bảo đảm tính chính xác, thống nhất, thuận lợi trong tổ chức thực hiện, theo dõi, giám sát và phối hợp triển khai giữa các bộ, ngành, địa phương.

Đối với lĩnh vực bưu chính, cần rà soát, cập nhật tên gọi, địa điểm và phạm vi phục vụ của các trung tâm bưu chính vùng, trung tâm bưu chính khu vực theo địa danh hành chính mới; đồng thời bảo đảm không trùng lặp địa bàn phục vụ giữa các vùng, khu vực. Việc cập nhật cần gắn với yêu cầu phát triển mạng bưu chính công cộng, mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước, thương mại điện tử, logistics và cung ứng dịch vụ công ở cơ sở. Qua đó, bảo đảm mạng bưu chính vừa đáp ứng yêu cầu phục vụ chính trị, hành chính, vừa hỗ trợ phát triển kinh tế số, xã hội số và nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ của người dân, doanh nghiệp.

Đối với các khu công nghệ số tập trung, cần rà soát, điều chỉnh thống nhất tên gọi “khu công nghệ thông tin tập trung” thành “khu công nghệ số tập trung” để phù hợp với Luật Công nghiệp công nghệ số và các văn bản quy định chi tiết có liên quan. Việc điều chỉnh thuật ngữ này là cần thiết nhằm bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật, đồng thời phản ánh đúng phạm vi phát triển mới của các khu công nghệ số tập trung, không chỉ giới hạn ở hoạt động công nghệ thông tin truyền thống mà còn bao gồm nghiên cứu, phát triển, sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, bán dẫn, an toàn, an ninh mạng và các lĩnh vực công nghệ số mới. Đồng thời, cần cập nhật địa danh, phạm vi không gian phát triển khu công nghệ số tập trung theo địa giới hành chính mới, bảo đảm phù hợp với quy hoạch

vùng, quy hoạch tỉnh và định hướng phát triển công nghiệp công nghệ số quốc gia.

Đối với các nội dung liên quan đến an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, cần rà soát kỹ để bảo đảm phù hợp với phân công chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước hiện hành. Các nhiệm vụ trước đây giao cho Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc Bộ Khoa học và Công nghệ cần được rà soát lại trong bối cảnh chức năng, nhiệm vụ về an toàn thông tin, an ninh mạng đã có sự điều chỉnh giữa các cơ quan quản lý nhà nước. Việc cập nhật cần thực hiện theo hướng bảo đảm tính liên thông, thống nhất, an toàn, an ninh của hạ tầng thông tin và truyền thông, đồng thời không làm phát sinh chồng chéo trong quản lý, đầu tư, vận hành và bảo vệ hệ thống.

Cùng với đó, cần rà soát các nội dung liên quan đến hạ tầng phục vụ chuyển đổi số quốc gia, nhất là các nền tảng dùng chung, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, cơ sở dữ liệu quốc gia, trung tâm dữ liệu, hạ tầng điện toán đám mây và hạ tầng kết nối. Việc rà soát cần bảo đảm đồng bộ với các khung kiến trúc, kiến trúc cấp quốc gia phục vụ chuyển đổi số, khung dữ liệu, khung quản trị dữ liệu và các định hướng về quản trị dựa trên dữ liệu. Tuy nhiên, các nội dung này cần được thể hiện phù hợp với phạm vi của Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, tránh mở rộng sang các nội dung thuộc phạm vi của chiến lược, chương trình, đề án hoặc kiến trúc chuyên ngành đang được cơ quan có thẩm quyền chủ trì xây dựng, trình phê duyệt riêng.

Việc rà soát, cập nhật nêu trên cũng cần gắn với yêu cầu nâng cao tính khả thi trong tổ chức thực hiện Quy hoạch. Thực tiễn thời gian qua cho thấy, một số nhiệm vụ, dự án hạ tầng thông tin và truyền thông còn gặp khó khăn về nguồn lực, cơ chế đầu tư, phối hợp liên ngành và lồng ghép với quy hoạch, kế hoạch phát triển của địa phương. Do đó, cần tiếp tục hoàn thiện nội dung phân công trách nhiệm, cơ chế phối hợp, nguyên tắc huy động nguồn lực, lồng ghép với kế hoạch đầu tư công trung hạn, chương trình chuyển đổi số, quy hoạch tỉnh và các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội có liên quan. Qua đó, bảo đảm các nội dung của Quy hoạch sau khi cập nhật có thể triển khai được trên thực tế, không chỉ dừng ở định hướng chung.

Việc cập nhật một số nội dung của Quy hoạch cần được thực hiện theo nguyên tắc kế thừa tối đa các nội dung còn phù hợp, chỉ điều chỉnh những nội dung thật sự cần thiết để đáp ứng yêu cầu mới. Các nội dung cập nhật chủ yếu mang tính kỹ thuật, tổ chức thực hiện, thống nhất thuật ngữ, địa danh, phạm vi

phục vụ và phân công trách nhiệm; không làm thay đổi mục tiêu, quan điểm, định hướng phát triển chủ yếu của Quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đây là cách tiếp cận phù hợp nhằm bảo đảm tính ổn định của Quy hoạch, đồng thời nâng cao tính đồng bộ, chính xác và khả thi trong quá trình triển khai giai đoạn tiếp theo.

Trên cơ sở đó, kiến nghị tiếp tục hoàn thiện dự thảo Quyết định điều chỉnh Quy hoạch theo hướng tập trung vào các nội dung cần thiết, gồm: cập nhật mạng truyền số liệu chuyên dùng và mạng bưu chính KT1 phục vụ đồng bộ 04 khối cơ quan trong hệ thống chính trị; cập nhật địa danh, phạm vi phục vụ của trung tâm bưu chính vùng, trung tâm bưu chính khu vực và khu công nghệ số tập trung theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; điều chỉnh thống nhất thuật ngữ “khu công nghệ thông tin tập trung” thành “khu công nghệ số tập trung”; rà soát nhiệm vụ liên quan đến an toàn thông tin mạng, an ninh mạng theo phân công chức năng, nhiệm vụ mới; đồng thời hoàn thiện trách nhiệm tổ chức thực hiện để bảo đảm Quy hoạch được triển khai hiệu quả, đồng bộ và phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

## **V.2. Đề xuất giải pháp tiếp tục tổ chức thực hiện Quy hoạch**

Để nâng cao hiệu quả thực hiện Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông trong giai đoạn tiếp theo, trên cơ sở các kết quả đã đạt được và những tồn tại, hạn chế đã được nhận diện, cần tập trung vào các giải pháp tổ chức thực hiện, điều phối, huy động nguồn lực, theo dõi, giám sát và tháo gỡ khó khăn trong quá trình triển khai. Các giải pháp này nhằm bảo đảm Quy hoạch sau khi được rà soát, cập nhật có thể triển khai đồng bộ trên thực tế, phù hợp với điều kiện phát triển của từng ngành, lĩnh vực, vùng và địa phương.

Trước hết, cần tăng cường công tác chỉ đạo, điều phối trong tổ chức thực hiện Quy hoạch. Bộ Khoa học và Công nghệ với vai trò là cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành cần tiếp tục chủ trì, theo dõi, đôn đốc và tổng hợp tình hình triển khai Quy hoạch; kịp thời hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao. Đối với các nội dung có tính liên ngành, liên vùng hoặc liên quan đến nhiều chủ thể quản lý, cần xác định rõ cơ chế phối hợp, đầu mối chịu trách nhiệm, tiến độ thực hiện và sản phẩm đầu ra để tránh tình trạng chông chéo, phân tán hoặc thiếu thống nhất trong triển khai.

Hai là, cần nâng cao trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong việc triển khai các nhiệm vụ thuộc phạm vi được giao. Các bộ, ngành có liên quan cần chủ động rà soát các nhiệm vụ, chỉ tiêu, dự án thuộc lĩnh vực quản lý của

mình để xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp, bảo đảm thống nhất với Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông. Các địa phương cần tiếp tục lồng ghép nội dung phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch chuyển đổi số, quy hoạch tỉnh, kế hoạch đầu tư công trung hạn và các chương trình, dự án phát triển hạ tầng trên địa bàn. Việc lồng ghép cần bảo đảm tính khả thi, tránh đầu tư dàn trải, trùng lặp, đồng thời phát huy được lợi thế và nhu cầu thực tiễn của từng địa phương.

Ba là, cần tập trung bố trí và huy động nguồn lực cho các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm của Quy hoạch. Trong điều kiện nguồn lực còn hạn chế, việc bố trí vốn đầu tư cần có trọng tâm, ưu tiên các dự án hạ tầng có tính dùng chung, liên thông, liên vùng, phục vụ nhiều đối tượng và có tác động trực tiếp đến phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số. Bên cạnh nguồn vốn ngân sách nhà nước, cần tiếp tục huy động phù hợp nguồn lực của doanh nghiệp, tổ chức và xã hội trong phát triển hạ tầng bưu chính, viễn thông, hạ tầng số, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, khu công nghệ số tập trung và các nền tảng phục vụ chuyển đổi số theo quy định của pháp luật.

Bốn là, cần tiếp tục tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai các dự án hạ tầng thông tin và truyền thông. Thực tiễn cho thấy, một số nhiệm vụ, dự án còn gặp khó khăn về cơ chế đầu tư, thủ tục đất đai, xây dựng, chia sẻ hạ tầng, sử dụng chung công trình kỹ thuật, bảo đảm nguồn điện, kết nối liên thông và phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị. Do đó, cần có cơ chế tiếp nhận, tổng hợp và xử lý kịp thời các vướng mắc phát sinh; trường hợp vượt thẩm quyền, cần báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định để bảo đảm tiến độ thực hiện Quy hoạch.

Năm là, cần hoàn thiện cơ chế thu thập, cập nhật và chia sẻ số liệu phục vụ theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Quy hoạch. Qua quá trình đánh giá cho thấy, một số chỉ tiêu còn thiếu số liệu, số liệu chưa thống nhất hoặc chưa có cơ quan chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời. Vì vậy, cần xác định rõ đầu mối cung cấp số liệu đối với từng nhóm chỉ tiêu, thống nhất mốc thời gian báo cáo, phương pháp tính toán và phạm vi thống kê. Các bộ, ngành, địa phương cần chủ động cung cấp thông tin định kỳ, bảo đảm số liệu phục vụ đánh giá Quy hoạch có tính chính xác, cập nhật và có khả năng so sánh qua các năm.

Sáu là, cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá định kỳ việc thực hiện Quy hoạch. Việc đánh giá cần tập trung vào mức độ hoàn thành các chỉ tiêu, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, dự án, hiệu quả sử dụng nguồn lực, mức

độ đồng bộ giữa các loại hình hạ tầng và khả năng đáp ứng yêu cầu phát triển của từng vùng, địa phương. Đối với các chỉ tiêu chưa đạt, chưa có số liệu hoặc chưa đủ cơ sở đánh giá, cần làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm và giải pháp khắc phục trong kỳ báo cáo tiếp theo. Công tác giám sát cần gắn với trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và đơn vị tổ chức thực hiện.

Bảy là, cần đẩy mạnh việc chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng thông tin và truyền thông nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, tránh lãng phí nguồn lực xã hội. Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ số cần được khuyến khích chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật phù hợp với quy định pháp luật, nhất là tại các khu vực khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo và các khu vực có hiệu quả đầu tư thương mại thấp. Việc chia sẻ hạ tầng cần được thực hiện trên nguyên tắc bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, an toàn, an ninh, chất lượng dịch vụ và quyền lợi của người dân, doanh nghiệp.

Tám là, cần chú trọng thu hẹp khoảng cách phát triển hạ tầng giữa các vùng, miền. Bên cạnh việc tiếp tục nâng cao chất lượng hạ tầng tại các đô thị lớn, khu vực kinh tế trọng điểm, cần có giải pháp phù hợp để phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông tại khu vực nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Trọng tâm là bảo đảm khả năng tiếp cận dịch vụ băng rộng, dịch vụ bưu chính, dịch vụ số thiết yếu, dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số phục vụ người dân, doanh nghiệp ở cơ sở. Đây là giải pháp quan trọng nhằm bảo đảm phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông theo hướng bao trùm, bền vững, không để ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình chuyển đổi số.

Chín là, cần tăng cường ứng dụng công cụ số trong quản lý, theo dõi và giám sát việc triển khai Quy hoạch. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống báo cáo trực tuyến hoặc công cụ số phục vụ cập nhật tiến độ thực hiện Quy hoạch sẽ giúp nâng cao tính minh bạch, kịp thời và chính xác trong công tác quản lý. Trên cơ sở dữ liệu được cập nhật thường xuyên, cơ quan quản lý nhà nước có thể kịp thời nhận diện các địa bàn, lĩnh vực, chỉ tiêu còn chậm tiến độ để có giải pháp chỉ đạo, điều chỉnh phù hợp.

Mười là, cần tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền và nâng cao nhận thức về vai trò của hạ tầng thông tin và truyền thông trong phát triển kinh tế - xã hội. Hạ tầng thông tin và truyền thông cần tiếp tục được xác định là hạ tầng thiết yếu, đi trước một bước, tạo nền tảng cho chuyển đổi số quốc gia, phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số. Việc nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, địa phương, doanh nghiệp và người dân sẽ góp phần tạo sự đồng thuận,

thúc đẩy sử dụng hiệu quả hạ tầng đã được đầu tư, đồng thời khuyến khích sự tham gia của toàn xã hội trong phát triển hạ tầng số.

Tổng thể, các giải pháp nêu trên nhằm chuyển trọng tâm từ rà soát, cập nhật nội dung Quy hoạch sang nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện Quy hoạch. Trong giai đoạn tiếp theo, cần bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp; bố trí nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm; hoàn thiện cơ chế báo cáo, giám sát, đánh giá; tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc; đồng thời phát huy vai trò của hạ tầng thông tin và truyền thông là nền tảng quan trọng phục vụ phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

## **VI. KẾT LUẬN**

Qua đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, có thể khẳng định Quy hoạch đã bước đầu phát huy vai trò là công cụ định hướng quan trọng trong phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia. Các mục tiêu, quan điểm và định hướng lớn của Quy hoạch cơ bản vẫn còn phù hợp với yêu cầu phát triển hạ tầng bưu chính, viễn thông, hạ tầng số, hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin, phục vụ chuyển đổi số quốc gia, phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

Trong thời gian qua, việc triển khai Quy hoạch đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Hạ tầng viễn thông băng rộng tiếp tục được mở rộng, chất lượng dịch vụ được cải thiện, mạng 4G duy trì độ phủ rộng, mạng 5G được các doanh nghiệp viễn thông triển khai thương mại và tiếp tục mở rộng. Hạ tầng bưu chính tiếp tục hoạt động ổn định, phục vụ nhu cầu của người dân, doanh nghiệp và nhiệm vụ phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước. Hạ tầng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, tài nguyên Internet, nền tảng số và các hệ thống phục vụ chuyển đổi số từng bước được đầu tư, nâng cấp, góp phần hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện chất lượng cung cấp dịch vụ công và thúc đẩy chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực.

Bên cạnh kết quả đạt được, quá trình thực hiện Quy hoạch vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần tiếp tục khắc phục. Một số chỉ tiêu, nhiệm vụ chưa đạt yêu cầu hoặc chưa có đầy đủ số liệu để đánh giá; nguồn lực đầu tư cho hạ tầng thông tin và truyền thông còn phân tán; việc triển khai một số nhiệm vụ, dự án còn chậm so với yêu cầu; công tác phối hợp, cung cấp số liệu, theo dõi và đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch ở một số bộ, ngành, địa phương chưa thật sự đồng bộ. Những hạn chế này ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức thực hiện Quy hoạch và cần có giải pháp khắc phục trong giai đoạn tiếp theo.

Đồng thời, bối cảnh phát triển mới đang đặt ra yêu cầu phải rà soát, cập nhật một số nội dung của Quy hoạch cho phù hợp với thực tiễn. Việc sắp xếp tổ chức bộ máy, thay đổi địa giới hành chính, triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của các bộ, ngành và ban hành các văn bản pháp luật chuyên ngành mới đã làm phát sinh yêu cầu cập nhật về địa danh, phạm vi phục vụ, thuật ngữ, phân công trách nhiệm và phương thức tổ chức thực hiện một số nội dung của Quy hoạch.

Trên cơ sở kết quả đánh giá, việc cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch trong giai đoạn hiện nay là cần thiết, nhưng cần thực hiện theo hướng kế thừa tối đa các nội dung còn phù hợp, không làm thay đổi mục tiêu, quan điểm và định hướng phát triển chủ yếu đã được phê duyệt. Trọng tâm là cập nhật các nội dung mang tính kỹ thuật và tổ chức thực hiện, bảo đảm thống nhất về thuật ngữ, địa danh, phạm vi phục vụ và phân công trách nhiệm; đồng thời bảo đảm phù hợp với yêu cầu đồng bộ hạ tầng phục vụ 04 khối cơ quan trong hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, địa giới hành chính mới và chức năng, nhiệm vụ hiện hành của các bộ, ngành có liên quan.

Trong thời gian tới, cần tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp về tổ chức thực hiện, phối hợp liên ngành, huy động nguồn lực, lồng ghép kế hoạch, theo dõi, giám sát và đánh giá định kỳ. Các bộ, ngành, địa phương cần nâng cao trách nhiệm trong triển khai các nhiệm vụ được giao; chủ động cung cấp số liệu, báo cáo kết quả thực hiện; kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc để tổng hợp, xử lý theo thẩm quyền. Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp tục chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện Quy hoạch, bảo đảm Quy hoạch được triển khai đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông trong giai đoạn mới.

Việc tiếp tục hoàn thiện và tổ chức thực hiện hiệu quả Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông sẽ góp phần tạo nền tảng hạ tầng thiết yếu cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; thúc đẩy phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; bảo đảm quốc phòng, an ninh; đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của đất nước trong giai đoạn 2026-2030 và tầm nhìn đến năm 2050./.

**PHỤ LỤC 1**

**ĐÁNH GIÁ VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN  
QUY HOẠCH MẠNG BƯU CHÍNH CÔNG CỘNG TỚI HẾT NĂM 2025**

*(Kèm theo công văn số...../BC ngày...../5/2026)*

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
<b>A</b>	<b>Khả năng tiếp cận dịch vụ bưu chính công ích của người dân</b>					
1	Bán kính phục vụ bình quân của mạng bưu chính công cộng tại mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (trước khi thực hiện sát nhập)	Km	N/A	N/A	N/A	KHÔNG ĐÁNH GIÁ Do thay đổi địa giới hành chính
2	Tỷ lệ xã có điểm phục vụ có người phục vụ	%	100%	100%	100%	ĐẠT
3	Tỷ lệ điểm phục vụ bưu chính có khả năng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	59,8%	62%	61%	CHƯA ĐẠT
<b>B</b>	<b>Năng lực vận hành và khai thác toàn mạng lưới</b>					
1	Tổng năng lực khai thác toàn mạng lưới bưu chính	- Doanh thu đơn vị là tỷ	- Trên 2.200.000	- Trên 2.800.000 cái/ngày	- Trên 2.800.000 cái/ngày	CHƯA ĐẠT

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
		đồng - Sản lượng đơn vị là cái - Khối lượng đơn vị là tấn	cái/ngày - Trên 2.100 tấn bưu gửi/ngày	- Trên 2.100 tấn bưu gửi/ngày	- Trên 2.100 tấn bưu gửi/ngày	
2	Thời gian giao hàng liên tỉnh, quốc tế (phần xử lý giữa các Trung tâm)	Ngày	5 ngày	5 ngày	5 ngày	ĐẠT
3	Thời gian giao hàng nội vùng	Ngày	2 ngày	2 ngày	2 ngày	ĐẠT
<b>C</b>	<b>Hình thành hạ tầng mạng bưu chính công cộng cấp quốc gia (Yêu cầu đến 2025 hình thành 3 MegaHub và 14 Hub)</b>					
1	Số lượng Trung tâm bưu chính khu vực (MegaHub có năng lực khai thác trên 11.000 tấn bưu gửi/ngày)	MegaHub	3 Trung tâm Vận chuyển và Kho vận tại Miền Bắc, Miền Trung, Miền Nam	3 Trung tâm Vận chuyển và Kho vận tại Miền Bắc, Miền Trung, Miền Nam	3 MegaHub	ĐẠT
2	Tỷ lệ MegaHub có định hướng ứng dụng cho hậu cần thương mại điện tử	%	100%	100%	100 %	ĐẠT

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
3	Tỷ lệ MegaHub chia sẻ cho các doanh nghiệp bưu chính khác cùng khai thác, sử dụng	%	0%	0%	0%	CHƯA ĐẠT
4	Số lượng Trung tâm bưu chính vùng (Hub có năng lực khai thác trên 4.500 tấn bưu gửi/ ngày).	Hub	0	N/A	04	CHƯA ĐẠT
5	Tỷ lệ Hub có định hướng ứng dụng cho hậu cần thương mại điện tử	%	0%	N/A	100 %	ĐẠT
6	Tỷ lệ Hub chia sẻ cho các doanh nghiệp bưu chính khác cùng khai thác, sử dụng	%	0%	N/A	0%	CHƯA ĐẠT
<b>D</b>	<b>Năng lực khai thác của các trung tâm bưu chính khu vực (03 MegaHub)</b>					
<b>I</b>	<b>MegaHub Hà Nội</b>					
1	Tên MegaHub		Trung tâm vận chuyển và kho vận miền Bắc	Trung tâm vận chuyển và kho vận miền Bắc	MegaHub Hà Nội	ĐẠT

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
2	Diện tích	Ha	2,8 ha	2,8 ha	2,8 ha	CHƯA ĐẠT
3	Năng lực khai thác	- Tấn bưu gửi/ ngày; & - Cái bưu gửi/ngày	1.000 tấn bưu gửi/ngày 1.200.000 cái bưu gửi/ngày	1.000 tấn bưu gửi/ngày 1.200.000 cái bưu gửi/ngày	1.000 tấn bưu gửi/ngày 1.200.000 cái bưu gửi/ngày	CHƯA ĐẠT
4	Bán kính phục vụ	Km	500 km	500 km	500 km	ĐẠT
5	Khoảng cách tới sân bay gần nhất	Km	7 km	7 km	7 km	ĐẠT
6	Khoảng cách tới cảng biển gần nhất	Km	110 km	110 km	110 km	CHƯA ĐẠT
7	Định hướng khai thác sử dụng					
a	Số lượng hàng thương mại điện tử được khai thác, xử lý tại Trung tâm	Cái	600.000 cái/ngày	600.000 cái/ngày	600.000 cái/ngày	ĐẠT
b	Chia sẻ cho các doanh nghiệp bưu chính khác cùng khai thác, sử dụng	- Có/không - Thông tin	Không	Không	Không	CHƯA ĐẠT

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
		hoạt động của doanh nghiệp bưu chính khác tại Trung tâm				
C	Kho ngoại quan cho hàng TMĐT xuyên biên giới	Thông tin số hiệu bưu gửi	Có	Có	Có	ĐẠT
D	Kho phân phối cho thị trường hàng hóa bán lẻ	Hình ảnh	Có	Có	Có	ĐẠT
<b>II</b>	<b>MegaHub TP Hồ Chí Minh</b>					
1	Tên MegaHub		Trung tâm vận chuyển và kho vận miền nam	Trung tâm vận chuyển và kho vận miền nam	MegaHub TP Hồ Chí Minh	ĐẠT
2	Diện tích	Ha	5 ha	5 ha	5 ha	CHƯA ĐẠT
3	Năng lực khai thác	- Tấn bưu gửi/ngày; & - Cái bưu gửi/ngày	600 tấn bưu gửi/ngày 1.000.000 cái bưu gửi/ngày	600 tấn bưu gửi/ngày 1.000.000 cái bưu gửi/ngày	600 tấn bưu gửi/ngày 1.000.000 cái bưu gửi/ngày	CHƯA ĐẠT
4	Bán kính phục vụ	Km	400 km	400 km	400 km	ĐẠT

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
5	Khoảng cách tới sân bay gần nhất	Km	25 km	25 km	25 km	ĐẠT
6	Khoảng cách tới cảng biển gần nhất	Km	1 km	1 km	1 km	ĐẠT
7	Định hướng khai thác sử dụng					
a	Số lượng hàng thương mại điện tử được khai thác, xử lý tại Trung tâm	Cái	500.000 cái/ngày	500.000 cái/ngày	500.000 cái/ngày	ĐẠT
b	Chia sẻ cho các doanh nghiệp bưu chính khác cùng khai thác, sử dụng	- Có/không - Thông tin hoạt động của doanh nghiệp bưu chính khác tại Trung tâm	Không	Không	Không	CHƯA ĐẠT
c	Kho ngoại quan cho hàng TMĐT xuyên biên giới	Thông tin số hiệu bưu gửi	Có	Có	Có	ĐẠT
d	Kho phân phối cho thị trường hàng hóa bán lẻ	Hình ảnh	Có	Có	Có	ĐẠT

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
<b>III</b>	<b>MegaHub TP Đà Nẵng</b>					
1	Tên MegaHub		Trung tâm vận chuyển và kho vận miền Trung	Trung tâm vận chuyển và kho vận miền Trung	MegaHub TP Đà Nẵng	ĐẠT
2	Diện tích	Ha	5 ha	5 ha	5 ha	CHƯA ĐẠT
3	Năng lực khai thác	- Tấn bưu gửi/ngày; & - Cái bưu gửi/ngày	500 tấn bưu gửi/ngày 600.000 cái bưu gửi/ngày	500 tấn bưu gửi/ngày 600.000 cái bưu gửi/ngày	500 tấn bưu gửi/ngày 600.000 cái bưu gửi/ngày	CHƯA ĐẠT
4	Bán kính phục vụ	Km	400 km	400 km	400 km	ĐẠT
5	Khoảng cách tới sân bay gần nhất	Km	10 km	10 km	10 km	ĐẠT
6	Khoảng cách tới cảng biển gần nhất	Km	5 km	5 km	5 km	ĐẠT

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
7	Định hướng khai thác sử dụng					
a	Số lượng hàng thương mại điện tử được khai thác, xử lý tại Trung tâm	Cái	300.000 cái/ngày	300.000 cái/ngày	300.000 cái/ngày	ĐẠT
b	Chia sẻ cho các doanh nghiệp bưu chính khác cùng khai thác, sử dụng	- Có/không - Thông tin hoạt động của doanh nghiệp bưu chính khác tại Trung tâm	Không	Không	Không	CHƯA ĐẠT
c	Kho ngoại quan cho hàng TMĐT xuyên biên giới	Thông tin số hiệu bưu gửi	Có	Có	Có	ĐẠT
d	Kho phân phối cho thị trường hàng hóa bán lẻ	Hình ảnh	Có	Có	Có	ĐẠT
<b>IV</b>	<b>Công nghệ áp dụng tại 03 MegaHub</b>					
1	Xếp dỡ hàng tự động	- Có/không - Mô tả thông	Không	Không	Không	CHƯA ĐẠT

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
		tin				
2	Nâng chuyển tự động	- Có/không - Mô tả thông tin	Không	Không	Không	CHƯA ĐẠT
3	Lưu buu gửi tự động	- Có/không - Mô tả thông tin	Không	Không	Không	CHƯA ĐẠT
4	Phân loại, chia chọn tự động	- Có/không - Mô tả thông tin	Có 03 dây chuyền hoạt động tại 03 MegaHub	Có 03 dây chuyền hoạt động tại 03 MegaHub	Có 03 dây chuyền hoạt động tại 03 MegaHub	ĐẠT
5	Các hệ thống, thiết bị trong Trung tâm được giám sát thông qua hệ thống cảm biến	- Có/không - Mô tả thông tin	Có	Có	Có	ĐẠT
6	Hỗ trợ công tác quản lý toàn trình	- Có/không - Mô tả thông tin	Có	Có	Có	ĐẠT
7	Công nghệ khác (nếu có)	- Có/không - Mô tả thông tin	Không	Không	Không	KHÔNG ĐÁNH GIÁ

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
<b>E</b>	<b>Năng lực các trung tâm bưu chính vùng (14 Hub)</b>					
<b>I</b>	<b>Hub Phú Thọ (đặt tại các phường thuộc tỉnh Phú Thọ cũ trước khi sát nhập)</b>					
1	Tên Hub		Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
2	Diện tích Hub	Ha	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
3	Năng lực khai thác	- Tấn bưu gửi/ ngày; & - Cái bưu gửi/ngày	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
4	Bán kính phục vụ	Km	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
5	Số tỉnh phục vụ	Số tỉnh đã phục vụ/ số tỉnh theo yêu cầu	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
6	Định hướng khai thác, sử dụng					

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
a	Số lượng hàng thương mại điện tử được khai thác, xử lý tại Trung tâm	Cái	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
b	Chia sẻ cho các doanh nghiệp bưu chính khác cùng khai thác, sử dụng	- Có/không - Thông tin hoạt động của doanh nghiệp bưu chính khác tại Trung tâm	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
c	Kho ngoại quan cho hàng TMĐT xuyên biên giới	Thông tin số hiệu bưu gửi	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
d	Kho phân phối cho thị trường hàng hóa bán lẻ	Hình ảnh	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
<b>II</b>	<b>Hub Sơn La</b>					
1	Tên Hub		Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
2	Diện tích Hub	Ha	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
3	Năng lực khai thác	- Tấn bưu gửi/ ngày; & - Cái bưu gửi/ngày	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
4	Bán kính phục vụ	Km	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
5	Số tỉnh phục vụ	Số tỉnh đã phục vụ/ số tỉnh theo yêu cầu	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
6	Định hướng khai thác sử dụng					
a	Số lượng hàng thương mại điện tử được khai thác, xử lý tại Trung tâm	Cái	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
b	Chia sẻ cho các doanh nghiệp bưu chính khác cùng khai thác, sử dụng	- Có/không - Thông tin hoạt động của doanh nghiệp bưu chính khác tại Trung tâm	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
c	Kho ngoại quan cho hàng TMĐT xuyên biên giới	Thông tin số hiệu bưu gửi	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
d	Kho phân phối cho thị trường hàng hóa bán lẻ	Hình ảnh	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
<b>III</b>	<b>Hub Thái Nguyên</b>					
1	Tên Hub		Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
2	Diện tích Hub	Ha	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
3	Năng lực khai thác	- Tấn bưu gửi/ ngày; & - Cái bưu gửi/ngày	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
4	Bán kính phục vụ	Km	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
5	Số tỉnh phục vụ	Số tỉnh đã phục vụ/ số tỉnh theo yêu	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
		câu				
6	Định hướng khai thác sử dụng					
a	Số lượng hàng thương mại điện tử được khai thác, xử lý tại Trung tâm	Cái	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
b	Chia sẻ cho các doanh nghiệp bưu chính khác cùng khai thác, sử dụng	- Có/không - Thông tin hoạt động của doanh nghiệp bưu chính khác tại Trung tâm	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
c	Kho ngoại quan cho hàng TMĐT xuyên biên giới	Thông tin số hiệu bưu gửi	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
d	Kho phân phối cho thị trường hàng hóa bán lẻ	Hình ảnh	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
<b>IV</b>	<b>Hub Hải Phòng (đặt phường thuộc tỉnh Hải Dương cũ)</b>					

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
1	Tên Hub		Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
2	Diện tích Hub	Ha	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
3	Năng lực khai thác	- Tấn bưu gửi/ ngày; & - Cái bưu gửi/ngày	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
4	Bán kính phục vụ	Km	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
5	Số tỉnh phục vụ	Số tỉnh đã phục vụ/ số tỉnh theo yêu cầu	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
6	Định hướng khai thác sử dụng					
a	Số lượng hàng thương mại điện tử được khai thác, xử lý tại Trung tâm	Cái	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
b	Chia sẻ cho các doanh nghiệp bưu chính khác cùng khai thác, sử dụng	- Có/không - Thông tin hoạt động của doanh nghiệp bưu chính khác tại Trung tâm	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
c	Kho ngoại quan cho hàng TMĐT xuyên biên giới	Thông tin số hiệu bưu gửi	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
d	Kho phân phối cho thị trường hàng hóa bán lẻ	Hình ảnh	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
<b>V</b>	<b>Hub Bắc Ninh (đặt tại phường thuộc tỉnh Bắc Giang cũ)</b>					
1	Tên Hub		Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
2	Diện tích Hub	Ha	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
3	Năng lực khai thác	- Tấn bưu gửi/ngày; & - Cái bưu gửi/ngày	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
4	Bán kính phục vụ	Km	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
5	Số tỉnh phục vụ	Số tỉnh đã phục vụ/ số tỉnh theo yêu cầu	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
6	Định hướng khai thác sử dụng					
a	Số lượng hàng thương mại điện tử được khai thác, xử lý tại Trung tâm	Cái	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
b	Chia sẻ cho các doanh nghiệp bưu chính khác cùng khai thác, sử dụng	- Có/không - Thông tin hoạt động của doanh nghiệp bưu chính khác tại Trung tâm	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
c	Kho ngoại quan cho hàng TMĐT xuyên biên giới	Thông tin số hiệu bưu gửi	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
d	Kho phân phối cho thị trường hàng hóa bán lẻ	Hình ảnh	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
<b>VI</b>	<b>Hub Hải Phòng (đặt tại Phường thuộc tỉnh Hải Phòng cũ)</b>					
1	Tên Hub		Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
2	Diện tích Hub	Ha	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
3	Năng lực khai thác	- Tấn bưu gửi/ ngày; & - Cái bưu gửi/ngày	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
4	Bán kính phục vụ	Km	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
5	Số tỉnh phục vụ	Số tỉnh đã phục vụ/ số tỉnh theo yêu cầu	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
6	Định hướng khai thác sử dụng					

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
a	Số lượng hàng thương mại điện tử được khai thác, xử lý tại Trung tâm	Cái	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
b	Chia sẻ cho các doanh nghiệp bưu chính khác cùng khai thác, sử dụng	- Có/không - Thông tin hoạt động của doanh nghiệp bưu chính khác tại Trung tâm	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
c	Kho ngoại quan cho hàng TMĐT xuyên biên giới	Thông tin số hiệu bưu gửi	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
d	Kho phân phối cho thị trường hàng hóa bán lẻ	Hình ảnh	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
<b>VII</b>	<b>Hub Ninh Bình (đặt tại phường thuộc tỉnh Nam Định cũ)</b>					
1	Tên Hub		Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
2	Diện tích Hub	Ha	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
3	Năng lực khai thác	- Tần bưu gửi/ ngày; & - Cái bưu gửi/ngày	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
4	Bán kính phục vụ	Km	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
5	Số tỉnh phục vụ	Số tỉnh đã phục vụ/ số tỉnh theo yêu cầu	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
6	Định hướng khai thác sử dụng					
a	Số lượng hàng thương mại điện tử được khai thác, xử lý tại Trung tâm	Cái	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
b	Chia sẻ cho các doanh nghiệp bưu chính khác cùng khai thác, sử dụng	- Có/không - Thông tin hoạt động của doanh nghiệp bưu chính khác tại Trung tâm	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
c	Kho ngoại quan cho hàng TMĐT xuyên biên giới	Thông tin số hiệu bưu gửi	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
d	Kho phân phối cho thị trường hàng hóa bán lẻ	Hình ảnh	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
<b>VIII</b>	<b>Hub Nghệ An</b>					
1	Tên Hub		Trung tâm Vận chuyên và Kho vận Bắc Trung Bộ Địa chỉ: Lô 13, 14, 15 tại số 1 đường số 8, đường số 1 KCN VSIP Nghệ An, xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Trung tâm Vận chuyên và Kho vận Bắc Trung Bộ Địa chỉ: Lô 13, 14, 15 tại số 1 đường số 8, đường số 1 KCN VSIP Nghệ An, xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	Trung tâm Vận chuyên và Kho vận Bắc Trung Bộ Địa chỉ: Lô 13, 14, 15 tại số 1 đường số 8, đường số 1 KCN VSIP Nghệ An, xã Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An	ĐẠT
2	Diện tích Hub	Ha	2,1 ha	2,1 ha	2,1 ha	CHƯA ĐẠT

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
3	Năng lực khai thác	- Tấn bưu gửi/ngày; & - Cái bưu gửi/ngày	70 tấn bưu gửi/ngày 25.000 bưu gửi/ngày	70 tấn bưu gửi/ngày 25.000 bưu gửi/ngày	70 tấn bưu gửi/ngày 25.000 bưu gửi/ngày	CHƯA ĐẠT
4	Bán kính phục vụ	Km	115 km	115 km	115 km	ĐẠT
5	Số tỉnh phục vụ	Số tỉnh đã phục vụ/ số tỉnh theo yêu cầu	02/04	02/04	02/04	CHƯA ĐẠT
6	Định hướng khai thác sử dụng					
a	Số lượng hàng thương mại điện tử được khai thác, xử lý tại Trung tâm	Cái	16.000 cái/ngày	16.000 cái/ngày	16.000 cái/ngày	ĐẠT
b	Chia sẻ cho các doanh nghiệp bưu chính khác cùng khai thác, sử dụng	- Có/không - Thông tin hoạt động của doanh nghiệp bưu chính khác tại Trung tâm	Không	Không	Không	CHƯA ĐẠT

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
c	Kho ngoại quan cho hàng TMĐT xuyên biên giới	Thông tin số hiệu bưu gửi	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
d	Kho phân phối cho thị trường hàng hóa bán lẻ	Hình ảnh	Có	Có	Có	ĐẠT
<b>IX</b>	<b>Hub Khánh Hòa</b>					
1	Tên Hub		Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
2	Diện tích Hub	Ha	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
3	Năng lực khai thác	- Tấn bưu gửi/ngày; & - Cái bưu gửi/ngày	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
4	Bán kính phục vụ	Km	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
5	Số tỉnh phục vụ	Số tỉnh đã phục vụ/ số tỉnh theo yêu cầu	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
6	Định hướng khai thác sử dụng					
a	Số lượng hàng thương mại điện tử được khai thác, xử lý tại Trung tâm	Cái	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
B	Chia sẻ cho các doanh nghiệp bưu chính khác cùng khai thác, sử dụng	- Có/không - Thông tin hoạt động của doanh nghiệp bưu chính khác tại Trung tâm	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
C	Kho ngoại quan cho hàng TMĐT xuyên biên giới	Thông tin số hiệu bưu gửi	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
D	Kho phân phối cho thị trường hàng hóa bán lẻ	Hình ảnh	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
<b>X</b>	<b>Hub Đắk Lắk</b>					
1	Tên Hub		N/A	N/A	<b>Hub Đắk Lắk</b>	ĐẠT
2	Diện tích Hub	Ha	N/A	N/A	0,27 ha	CHƯA ĐẠT
3	Năng lực khai thác	- Tấn bưu gửi/ ngày; & - Cái bưu gửi/ngày	N/A	N/A	- 50 tấn bưu gửi/ngày - 20.000 cái/ngày	CHƯA ĐẠT
4	Bán kính phục vụ	Km	N/A	N/A	120 km	ĐẠT
5	Số tỉnh phục vụ	Số tỉnh đã phục vụ/ số tỉnh theo yêu cầu	N/A	N/A	02/03	CHƯA ĐẠT
6	Định hướng khai thác sử dụng					

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
A	Số lượng hàng thương mại điện tử được khai thác, xử lý tại Trung tâm	Cái	12.000 cái/ngày	12.000 cái/ngày	12.000 cái/ngày	ĐẠT
B	Chia sẻ cho các doanh nghiệp bưu chính khác cùng khai thác, sử dụng	- Có/không - Thông tin hoạt động của doanh nghiệp bưu chính khác tại Trung tâm	Không	Không	Không	CHƯA ĐẠT
C	Kho ngoại quan cho hàng TMĐT xuyên biên giới	Thông tin số hiệu bưu gửi	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
D	Kho phân phối cho thị trường hàng hóa bán lẻ	Hình ảnh	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
XI	<b>Hub TP Hồ Chí Minh (đặt tại phường thuộc tỉnh Bình Dương cũ)</b>					
1	Tên Hub		N/A	N/A	N/A	KHÔNG ĐÁNH GIÁ
2	Diện tích Hub	Ha	N/A	N/A	N/A	KHÔNG ĐÁNH GIÁ

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
3	Năng lực khai thác	- Tần bưu gửi/ ngày; & - Cái bưu gửi/ngày	N/A	N/A	N/A	KHÔNG ĐÁNH GIÁ
4	Bán kính phục vụ	Km	N/A	N/A	N/A	KHÔNG ĐÁNH GIÁ
5	Số tỉnh phục vụ	Số tỉnh đã phục vụ/ số tỉnh theo yêu cầu	N/A	N/A	N/A	KHÔNG ĐÁNH GIÁ
6	Định hướng khai thác sử dụng					
a	Số lượng hàng thương mại điện tử được khai thác, xử lý tại Trung tâm	Cái	N/A	N/A	N/A	KHÔNG ĐÁNH GIÁ
b	Chia sẻ cho các doanh nghiệp bưu chính khác cùng khai thác, sử dụng	- Có/không - Thông tin hoạt động của doanh nghiệp bưu chính khác tại Trung tâm	N/A	N/A	N/A	KHÔNG ĐÁNH GIÁ

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
c	Kho ngoại quan cho hàng TMĐT xuyên biên giới	Thông tin số hiệu bưu gửi	N/A	N/A	N/A	KHÔNG ĐÁNH GIÁ
d	Kho phân phối cho thị trường hàng hóa bán lẻ	Hình ảnh	N/A	N/A	N/A	KHÔNG ĐÁNH GIÁ
<b>XII</b>	<b>Hub Đồng Nai</b>					
1	Tên Hub		Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
2	Diện tích Hub	Ha	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
3	Năng lực khai thác	- Tấn bưu gửi/ ngày; & - Cái bưu gửi/ngày	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
4	Bán kính phục vụ	Km	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
5	Số tỉnh phục vụ	Số tỉnh đã phục vụ/ số tỉnh theo yêu cầu	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
6	Định hướng khai thác sử dụng					
a	Số lượng hàng thương mại điện tử được khai thác, xử lý tại Trung tâm	Cái	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
b	Chia sẻ cho các doanh nghiệp bưu chính khác cùng khai thác, sử dụng	- Có/không - Thông tin hoạt động của doanh nghiệp bưu chính khác tại Trung tâm	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
c	Kho ngoại quan cho hàng TMĐT xuyên biên giới	Thông tin số hiệu bưu gửi	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
d	Kho phân phối cho thị trường hàng hóa bán lẻ	Hình ảnh	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
<b>XIII</b>	<b>Hub Đồng Tháp (đặt tại phường thuộc tỉnh Tiền Giang cũ)</b>					
1	Tên Hub		Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
2	Diện tích Hub	Ha	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
3	Năng lực khai thác	- Tấn bưu gửi/ ngày; & - Cái bưu gửi/ngày	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
4	Bán kính phục vụ	Km	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
5	Số tỉnh phục vụ	Số tỉnh đã phục vụ/ số tỉnh theo yêu cầu	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
6	Định hướng khai thác sử dụng					

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
A	Số lượng hàng thương mại điện tử được khai thác, xử lý tại Trung tâm	Cái	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
B	Chia sẻ cho các doanh nghiệp bưu chính khác cùng khai thác, sử dụng	- Có/không - Thông tin hoạt động của doanh nghiệp bưu chính khác tại Trung tâm	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
C	Kho ngoại quan cho hàng TMĐT xuyên biên giới	Thông tin số hiệu bưu gửi	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
D	Kho phân phối cho thị trường hàng hóa bán lẻ	Hình ảnh	Chưa có	Chưa có	Chưa có	CHƯA ĐẠT
<b>XIV</b>	<b>Hub Cần Thơ</b>					
1	Tên Hub		Trung tâm Vận chuyên và Kho vận Tây Nam Bộ Địa chỉ: Lô	Trung tâm Vận chuyên và Kho vận Tây Nam Bộ Địa chỉ: Lô 03A Đường Lý Thái	Trung tâm Vận chuyên và Kho vận Tây Nam Bộ Địa chỉ: Lô 03A Đường Lý Thái	ĐẠT

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
			03A Đường Lý Thái Tô, Khu dân cư Hưng Phú 1, Phường Cái Răng, Thành phố Cần Thơ	Tổ, Khu dân cư Hưng Phú 1, Phường Cái Răng, Thành phố Cần Thơ	Tổ, Khu dân cư Hưng Phú 1, Phường Cái Răng, Thành phố Cần Thơ	
2	Diện tích Hub	Ha	N/A	N/A	0,92 ha	CHƯA ĐẠT
3	Năng lực khai thác	- Tấn bưu gửi/ngày; & - Cái bưu gửi/ngày	N/A	N/A	130 tấn bưu gửi/ngày 40.000 bưu gửi/ngày	CHƯA ĐẠT
4	Bán kính phục vụ	Km	N/A	N/A	170 km	ĐẠT
5	Số tỉnh phục vụ	Số tỉnh đã phục vụ/ số tỉnh theo yêu cầu	N/A	N/A	05/05	ĐẠT
6	Định hướng khai thác sử dụng					

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
a	Số lượng hàng thương mại điện tử được khai thác, xử lý tại Trung tâm	Cái	N/A	N/A	25.000 cái	ĐẠT
b	Chia sẻ cho các doanh nghiệp bưu chính khác cùng khai thác, sử dụng	- Có/không - Thông tin hoạt động của doanh nghiệp bưu chính khác tại Trung tâm	N/A	N/A	Không	CHƯA ĐẠT
c	Kho ngoại quan cho hàng TMĐT xuyên biên giới	Thông tin số hiệu bưu gửi	N/A	N/A	Chưa có	CHƯA ĐẠT
d	Kho phân phối cho thị trường hàng hóa bán lẻ	Hình ảnh	N/A	N/A	Chưa có	CHƯA ĐẠT
<b>XV</b>	<b>Ứng dụng công nghệ tại 14 Hub</b>					
a	Xếp dỡ hàng tự động	- Có/ không - Mô tả thông tin	N/A	không	không	CHƯA ĐẠT

TT	NỘI DUNG/ CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ			GHI CHÚ
			06 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	QUÝ III/2025	NĂM 2025	
b	Nâng chuyển tự động	- Có/ không - Mô tả thông tin	N/A	không	không	CHƯA ĐẠT
c	Lưu trữ gửi tự động	- Có/không - Mô tả thông tin	N/A	không	không	CHƯA ĐẠT
d	Phân loại, chia chọn tự động	- Có/không - Mô tả thông tin	N/A	N/A	không	CHƯA ĐẠT
e	Hệ thống giám sát thông qua hệ thống cảm biến	- Có/không - Mô tả thông tin	N/A	N/A	không	CHƯA ĐẠT
f	Hỗ trợ công tác quản lý toàn trình	- Có/không - Mô tả thông tin	N/A	N/A	Có	ĐẠT
g	Hub có sử dụng Công nghệ khác (nếu có)	- Có/không - Mô tả thông tin	N/A	N/A	Không	KHÔNG ĐÁNH GIÁ

## PHỤ LỤC 2

### HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHỆ SỐ TẬP TRUNG

#### I. THỐNG KÊ CÁC KHU CÔNG NGHỆ SỐ TẬP TRUNG

Tính đến thời điểm 15/4/2026, trên cả nước đã có **12** khu công nghệ số tập trung được thành lập, mở rộng và công nhận theo quy định pháp luật, Trong đó:

##### 1. Các khu công nghệ số tập trung được thành lập trước thời điểm 01/01/2026 theo Nghị định số 154/2013/NĐ-CP

Tính đến thời điểm trước ngày 01/01/2026, trên địa bàn TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, TP. Đà Nẵng và TP. Cần Thơ đã có tổng cộng có 08 khu công nghệ số tập trung được thành lập, mở rộng và công nhận theo quy định tại Nghị định số 154/2013/NĐ-CP. Chi tiết như sau:

STT	Tên gọi	Quy mô (ha)	Hiện trạng
1	Công viên phần mềm Quang Trung	43	Hoạt động
2	Công viên phần mềm Đà Nẵng	1,08	Hoạt động
	Công viên phần mềm Đà Nẵng số 2 <sup>3</sup>	2,86	
3	Khu CNTT tập trung Cầu Giấy – Hà Nội	8,3	Hoạt động
4	Công viên Công nghệ phần mềm Hà Nội	31,14	Đang đầu tư xây dựng
5	Khu CNTT tập trung Đà Nẵng	131	Hoạt động
6	Khu CNTT tập trung Cần Thơ	20,02	Đang đầu tư xây dựng
7	Khu Phức hợp Văn phòng FPT Đà Nẵng	5,93	Hoạt động
8	Khu CNTT tập trung Bình Dương	15,47	Hoạt động

Khu công nghệ số tập trung đã đóng góp tích cực vào sự tăng trưởng và phát triển ngành công nghiệp công nghệ số, thể hiện trên các mặt sau:

<sup>3</sup> Dự án mở rộng khu CNTT tập trung - Công viên phần mềm Đà Nẵng.

(1) Đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên cơ sở thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số; tạo ra hạ tầng quan trọng trên cơ sở sử dụng hiệu quả tài nguyên cho phát triển ngành công nghiệp công nghệ số<sup>4</sup>.

(2) Góp phần thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ số, trong đó đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp phần mềm, nâng cao giá trị xuất khẩu và sức cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trong lĩnh vực phần mềm<sup>5</sup>.

(3) Thúc đẩy phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số<sup>6</sup>; góp phần giải quyết nhiều công ăn việc làm, tăng năng suất và chuyển dịch cơ cấu lao động<sup>7</sup>.

(4) Thu hút vốn đầu tư vào phát triển hạ tầng khu công nghệ số tập trung, bổ sung nguồn lực quan trọng cho phát triển ngành công nghiệp công nghệ số, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

## **2. Các khu công nghệ số tập trung được thành lập, mở rộng và công nhận sau ngày 01/01/2026 theo Nghị định số 354/2025/NĐ-CP**

Ngày 31/12/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 354/2025/NĐ-CP quy định về khu công nghệ số tập trung, thay thế cho Nghị định số 154/2013/NĐ-CP ngày 08/11/2013 của Chính phủ quy định về khu CNTT tập trung. Kể từ khi Nghị định số 354/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (01/01/2026), một số địa phương đã triển khai công tác quy hoạch và lập dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ số tập trung.

---

<sup>4</sup> Trong năm 2025, tổng doanh thu của các doanh nghiệp hoạt động trong Công viên phần mềm Quang Trung đạt 572,1 triệu USD trên diện tích toàn khu khoảng 43 ha, tương đương doanh thu khoảng 13,3 triệu USD/ha/năm. Số liệu này cho thấy hiệu quả sử dụng đất của khu công nghệ số tập trung rất cao so với các loại hình khu chức năng khác như khu công nghiệp, khu kinh tế với doanh thu chỉ khoảng 01 triệu USD/ha/năm (nếu không thống kê của số liệu của Samsung thì hiệu suất doanh thu/điện tích đất chỉ chưa đến 500.000 USD/ha/năm).

<sup>5</sup> Công nghiệp công nghệ số đã trở thành lĩnh vực có quy mô lớn của nền kinh tế cả về doanh thu (198 tỷ USD), xuất khẩu, chiếm tỉ trọng cao trong đóng góp ngân sách nhà nước cũng như đóng góp cho GDP.

<sup>6</sup> Lao động ngành công nghiệp phần mềm (246.059) và và dịch vụ CNTT (96.393) chiếm 23% tổng số lao động toàn ngành công nghiệp CNTT (1.504.414), tốc độ tăng trưởng bình quân/năm đạt 7,95%. Nhân lực làm phần mềm và dịch vụ CNTT chủ yếu có trình độ cao đẳng và đại học.

<sup>7</sup> Năm 2024, năng suất lao động trung bình của Công viên phần mềm Quang Trung khoảng 1,329 tỷ VND/năm so với mức 102 triệu VND/năm của cả nước. thu nhập bình quân của người lao động của Công viên phần mềm Quang Trung đạt trên 21 triệu VND/tháng, gấp gần 04 lần so với thu nhập bình quân đầu người Việt Nam (hơn 5 triệu VND/tháng).

Căn cứ theo các báo cáo địa phương gửi về, đã có thêm **04** khu công nghệ số tập trung được thành lập, công nhận theo quy định tại Nghị định số 354/2025/NĐ-CP và pháp luật về đầu tư, nâng tổng số khu công nghệ số tập trung lên 12 trên cả nước, chi tiết như sau:

**(1) Tỉnh Bắc Ninh:**

- Tên gọi: Khu CNTT tập trung tỉnh Bắc Ninh.
- Quy mô: 258,86 ha.
- Địa điểm: Phường Võ Cường, phường Hạp Lĩnh và xã Liên Bảo, tỉnh Bắc Ninh.
- Căn cứ thành lập: Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 12/11/2025.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Xuân Cầu Holdings.

**(2) Tỉnh Quảng Ninh:**

- Tên gọi: Khu công nghệ số tập trung Tuần Châu.
- Quy mô: 8,94 ha.
- Địa điểm: Phường Tuần Châu, thành phố Hạ Long.
- Căn cứ thành lập: Quyết định số 4458/QĐ-UBND ngày 22/11/2025.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH phát triển Khu công nghệ cao Hòa Lạc FPT.

**(3) Tỉnh Thái Nguyên:**

- Tên gọi: Khu CNTT tập trung Yên Bình.
- Quy mô: 197,61 ha.
- Địa điểm: Phường Vạn Xuân và xã Diềm Thuy, tỉnh Thái Nguyên.
- Căn cứ thành lập: Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 19/9/2025.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn và Công ty Cổ phần LIZEN.

**(4) Tỉnh Gia Lai:**

- Tên gọi: Công viên sáng tạo TMA (TMA Innovation Park).
- Quy mô: 10,26 ha
- Địa điểm: Thung lũng sáng tạo Quy Nhơn, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai.
- Căn cứ thành lập: Quyết định số 1053/QĐ-UBND ngày 27/03/2026.

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Tường Minh.

### **3. Các khu công nghệ số tập trung đã được thành lập, mở rộng và công nhận nhưng chưa đi vào hoạt động**

#### ***(1) Công viên công nghệ phần mềm Hà Nội***

- Tên gọi: Công viên công nghệ phần mềm Hà Nội.

- Quy mô: 31,14 ha.

- Địa điểm: Phường Long Biên, Thành phố Hà Nội.

- Căn cứ thành lập: Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 28/3/2016.

Dự án Công viên công nghệ phần mềm Hà Nội do Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Hanel triển khai từ năm 2016. Đến thời điểm hiện nay, Chủ đầu tư đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật (san nền, đường giao thông, cấp thoát nước, chiếu sáng, hạ ngầm tuyến điện...); đã lập thiết kế cơ sở cho 12 công trình, được Bộ Xây dựng thẩm định. Tuy nhiên, theo nội dung báo cáo của UBND Thành phố Hà Nội, dự án vẫn chưa thể hoàn thành và đi vào hoạt động bởi các lý do sau:

- Công tác giải phóng mặt bằng: Theo quy hoạch xây dựng của dự án, còn khoảng 849 m<sup>2</sup> đất (ô L) chồng lấn với Công ty thực phẩm Ngọc Lâm chưa giải phóng mặt bằng nên chưa có cơ sở xác định được đơn giá thuê đất, hoàn thành việc đóng tiền thuê đất và thuế đất phi nông nghiệp.

- Về nguồn vốn đầu tư: Dự án dự kiến có tổng mức đầu tư ~700 triệu USD. Đây là mức đầu tư lớn cần phải huy động vốn từ các nhà đầu tư. Tuy nhiên, hiện nay Công ty Cổ phần Hanel vẫn chưa thực hiện được công tác thoái vốn nhà nước nên khó khăn trong việc thu hút các nhà đầu tư tiềm năng.

Để giải quyết vướng mắc, UBND Thành phố Hà Nội đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan khẩn trương hoàn thiện các thủ tục liên quan và tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành cơ sở hạ tầng để đưa Khu Công viên công nghệ phần mềm Hà Nội vào hoạt động, mở rộng, phát triển hệ sinh thái khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Thành phố.

#### ***(2) Khu CNTT tập trung Cần Thơ***

Tên gọi: Khu CNTT tập trung Cần Thơ.

- Quy mô: 20,02 ha.

- Địa điểm: Phường Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

- Căn cứ thành lập: Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 09/6/2021.

Dự án Khu CNTT tập trung Cần Thơ do Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ làm chủ đầu tư được triển khai từ năm 2021 với tổng mức đầu tư khoảng 608,015 tỷ đồng. Đến thời điểm hiện nay, dự án đã giải phóng mặt bằng được 5,36/20,2 ha (đạt khoảng 26%) và hiện chưa đầu tư hạ tầng kỹ thuật và chưa đi vào hoạt động. Theo báo cáo của UBND thành phố Cần Thơ, việc triển khai dự án còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc như sau:

- Nguồn vốn đầu tư: Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ đang gặp khó khăn trong cơ cấu nguồn vốn đối với công tác bồi thường giải phóng mặt bằng cũng như đầu tư xây dựng hạ tầng của dự án trong giai đoạn tiếp theo. Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ đang xem xét, tham mưu trình UBND thành phố Cần Thơ cân đối bố trí nguồn vốn theo quy định.

- Giá thuê đất: Giá thành cho thuê đất theo tính toán là 180 USD/m<sup>2</sup> cho 50 năm. Qua khảo sát các dự án khu công nghệ số tập trung ở Thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy để thu hút hiệu quả các doanh nghiệp tham gia lĩnh vực này, các khu công nghệ số tập trung được hình thành từ nguồn ngân sách nhằm tạo đất sạch hỗ trợ doanh nghiệp thuê lại đất với giá thuê thấp, từ đó chính quyền sẽ có điều kiện tăng thu ngân sách thông qua hoạt động doanh nghiệp trong khu này. Bên cạnh đó, một số đối tác như Tập đoàn JXL, Tập đoàn CMC khi trao đổi với Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ có nhận xét về giá thuê đất là cao so với mặt bằng chung, các doanh nghiệp mong muốn được chính quyền hỗ trợ về giá thuê đất để thực hiện dự án. Tuy nhiên, với nguyên tắc bảo toàn vốn tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về việc Quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương, thì việc giảm giá thuê đất này gặp nhiều khó khăn.